

VÀI NÉT CHÍNH LUÂN LÝ PHẬT GIÁO

DẪN KHỞI

Đa số người chú mục đến Phật giáo đều nhằm phần giáo lý cao siêu giải thoát; về mặt thực tế, gần gũi với nếp sống hằng ngày của đại đa số Phật tử, ít ai lưu tâm đến. Để bổ cứu chỗ thiếu sót ấy, chúng ta hãy bàn về phần giáo lý thích ứng với cuộc sống hiện tại của quần chúng Phật tử.

Người Phật tử phải có một nếp sống thế nào? Phải ăn ở, cư xử làm sao vừa hợp với đời mà không trái với đạo? Nghĩa là phải có sự điều hợp giữa đời và đạo, để người Phật tử đủ điều kiện tiến tu và làm tròn bổn phận con người. Sự điều hợp ấy là nền tảng luân lý Phật giáo.

Đức Phật hiện thân trong nhân loại, tu hành thành đạo chứng quả, đem chỗ sở chứng của mình ra giáo hóa nhân loại, giáo lý ấy đích thực vì con người. Trong nhân loại số người tầm thường tối đa, số người siêu quần bạt tụy tối thiểu, Phật do lòng đại bi, bình đẳng giáo hóa chúng sanh, không lý do gì Ngài bỏ sót số đông, vì một số quá ít. Cho nên, quyết chắc rằng trong giáo lý Phật, phần nhiều dạy cách ăn ở, cư xử thích hợp đạo lý của đa số quần chúng.

Song vì thích thú phần giáo lý cao siêu, nên phần đông các nhà hoằng pháp đều đem giáo lý giải thoát ra giảng dạy, khiến quần chúng ngỡ ngác, khó thu thập được. Hoặc giả có một số vị cho rằng phần giáo lý dạy Phật tử ăn ở thích hợp nhân luân, cũng tương tự phần luân lý của các tôn giáo khác, đem ra giảng dạy e rằng một số người cho đó là thường. Do đó, phần luân lý Phật giáo ít được đề cập đến. Vì không thấy đề cập đến vấn đề luân lý, nên có một ít người nghi Phật giáo không có luân lý. Nếu Phật giáo không có luân lý tức là đã thiếu nhân bản. Một giáo lý không có nhân bản làm sao thích ứng với nhân loại. Đã không thích ứng với nhân loại, dù cố gắng truyền bá cũng vô ích.

Vì thế, chúng ta cần bàn xem Phật giáo có luân lý hay không?

PHẬT GIÁO KHÔNG CÓ LUÂN LÝ

Có người bảo rằng: Phật giáo chấp nhận thuyết luân hồi thì không có luân lý. Vì trong dòng luân hồi cha có thể trở lại làm con, người có thể sanh làm thú... Như vậy, người tin thuyết luân hồi nhìn hiện tại này: cha con, anh em, chồng vợ, thú vật... đều không có vị trí nhất định. Đó là cái nhìn điên đảo, lộn xộn, mất hết trật tự, luân lý. Vì thế, Phật giáo không có luân lý.

Có người nói: Chủ trương của Phật giáo là thuyết vô ngã, vô ngã là không thấy có ta, có người, ta người đã không thì cha mẹ, anh em, vợ con... làm gì có. Đã không thấy có cha mẹ... thì việc ăn ở, cư xử đâu thành vấn đề. Vì vậy, Phật giáo không có luân lý.

Lại có người nói: Phật giáo dạy người tu mục đích được giải thoát, như kinh nói “tất cả nước biển chỉ một vị, vị mặn, tất cả giáo lý của ta chỉ một vị, vị giải thoát”. Luận về giải thoát là cởi mở tất cả trần duyên, tránh xa thế tục, dứt lia ân ái. Giáo lý như vậy làm gì có luân lý?

PHẬT GIÁO CÓ LUÂN LÝ

Đức Phật trước kia đã phản đối kinh điển Phê-đà và Áo Nghĩa Thư vì quá thiên trọng về thiên nhiên, quên mất con người. Con người mới thật quan trọng, chủ động tất cả hạnh nghiệp. Cho nên, Phật chủ trương thuyết chánh báo và y báo để thấy rõ chỗ hệ trọng giữa con người và vũ trụ. Chánh báo là bản thân chúng ta, y báo là ngoại cảnh để ta nương tựa. Tất cả ngoại cảnh đều tùy thuộc vào con người chúng ta. Nếu chánh báo tốt đẹp, y báo cũng theo đó tốt đẹp, chánh báo xấu xa, y báo cũng xấu xa. Như đức Phật Di-đà khi tu nhân phát bốn mươi tám lời nguyện, đến lúc kết quả được cõi Cực Lạc trang nghiêm. Như cõi Ta-bà thời kiếp tăng do người tu Thập thiện nên tuổi thọ rất dài, cỏ cây xinh tốt, thời kiếp giảm do người hành thập ác, nên tuổi thọ càng ngắn, cây cỏ xấu xa... Đức Phật đã chú trọng vào con người, đương nhiên nên luân lý để giáo dục cho con người phải có. Vì thế trong Phật giáo nhất định có luân lý.

Phật giáo chấp thuận thuyết luân hồi, song không phản luân lý. Bởi vì luân lý Phật giáo lấy từ bi làm trọng tâm, thuyết luân hồi giúp cho lòng từ bi tăng trưởng nên thuyết luân hồi hữu ích chớ không phá hoại luân lý. Khi chúng ta nhận xét tất cả chúng sanh đều chịu sanh tử luân hồi, sự sanh tử luân hồi không phải chỉ một đời này, mà vô biên, vô số kiếp đều có cha mẹ, anh em quyến thuộc..., thì những chúng sanh hiện có đây, đâu không phải là quyến thuộc của ta nhiều kiếp trước? Chúng ta làm khổ những người hiện tại đây, đâu không phải làm khổ quyến thuộc của chúng ta? Lại, thấy tất cả đều là quyến thuộc, thì tình thương quyến thuộc hiện tại thế nào, với những người kia chúng ta cũng phải thương như vậy. Do đây phát sanh lòng thương chân thật đối với mọi người, ấy là tâm từ bi.

Thuyết vô ngã của Phật giáo là tinh thần bình đẳng, không phải phi luân lý. Chúng ta quen chấp trong con người này có cái ta thường còn, tự tại. Đã có cái ta thật thì người cũng phải thật. Người tức khác với ta, ta và người trở thành đối lập. Cái gì ta được thì người phải mất, cái gì người được thì ta phải mất. Vì ở đời không có cái lưỡng toàn nên sự đắc thất hoặc đứng bên này hay bên kia. Bởi chấp ta thật nên cái gì cũng giành phần ta được, ta hơn; đó là mầm bắt công gây ra tranh đấu mãi mãi. Cá nhân với cá nhân, giành cá nhân ta hơn. Đoàn thể với đoàn thể, cũng giành đoàn thể ta thắng. Quốc gia với quốc gia, muốn quốc gia mình mạnh... Tất cả sự sát phạt từng cá nhân, đến chiến tranh toàn thế giới đều do cái “chấp ngã” mà ra. Đó là chưa nói tánh cách chấp sai lầm của nó. Phật giáo chủ trương bình đẳng, không phân chia ranh giới giữa mình và người, cho đến giữa quốc gia này với quốc gia khác. Bản thân ta không thật, người không thật, thử hỏi giành phần hơn về mình để làm gì? Cho đến đoàn thể, quốc gia cũng thế. Được vậy, ta và người sống trong tinh thần hòa đồng, bất chấp, vô tư.

Hơn nữa, có vô ngã mới thực hiện được tình thương bất vụ lợi, tức là từ bi. Nếu thấy có cái ta thực hữu, phải có cái ta hưởng thụ. Vì thế, tất cả tình thương trong trắng ban đầu dần dần bị hoen ô, vì sự hưởng thụ của ta. Nếu thấy thật có ta thì không có sự hi sinh cho kẻ khác. Hoặc có hi sinh, chẳng qua vì cái danh huyễn, vì sự phần nộ nhất thời, vì chán sợ khổ đau dằng dai của ta mà thôi.

Phật giáo lấy giải thoát làm mục đích, tức là xây dựng một nền luân lý nhân bản không phải phi luân lý. Chúng ta đừng nhìn quá xa mà trở thành huyễn tưởng, Phật giáo nói giải thoát tức là thế nhân nói tự do. Biết quý trọng tự do của con người là nước có văn minh, quốc gia tiến bộ. Danh từ giải thoát trong Phật giáo có nghĩa là cởi mở những ràng buộc làm con người mất tự do. Sự ràng buộc ấy chính do ta tạo lấy. Như giết hại người, bị ràng buộc trong thù oán; trộm cướp của người, bị ràng buộc trong tù tội; tà dâm, bị ràng buộc trong lo sợ v.v... Vì thế, trong giới luật có tên Pratimoksa (Ba-la-đề-mộc-xoa), dịch là Biệt giải thoát, nghĩa là giải thoát từng phần. Chúng ta mở được mỗi nào thì giải thoát phần ấy. Sự giải thoát này thực tế, hữu hiệu đối với người biết sống và yêu chuộng tự do. Không phải nói giải thoát là bi quan, yếm thế quên cả

cuộc đời, muốn chạy trốn về thế giới bên kia. Giải thoát ở đây là xây dựng con người yêu chuộng tự do và biết sử dụng tự do. Muốn được tự do, chúng ta đừng đòi hỏi ở đâu xa, phải tự cởi mở những tánh xấu xa nơi mình trước, đồng thời cũng quý trọng những cái sản hữu của người. Nơi ta sạch những tánh xấu, nơi người không xúc phạm đến. Đó mới thật là yêu chuộng tự do và biết sử dụng tự do.

Tóm lại, Phật giáo quyết định có luân lý. Vì hầu hết giáo lý đều nhằm vào xây dựng con người tốt đẹp và gây tạo ý thức hướng thượng. Song luân lý có thành hay không, khi nào phân định được thiện ác rõ ràng hay không. Nếu thiện ác phân định không được, vấn đề luân lý không thể đặt ra. Vì vậy cần phải xét tiêu chuẩn thiện ác.

THIỆN ÁC KHÔNG CÓ TIÊU CHUẨN RÀNH RẼ

Thiện ác là danh từ thông dụng nhất, mới nghe qua dường như giản dị dễ hiểu, song khi bàn định tiêu chuẩn của nó thật là phức tạp vô cùng. Có những việc lúc đầu thấy là thiện, sau lại biến thành ác. Như bà mẹ cưng con, con đòi gì được nấy, muốn sao cũng chiều, kết quả đứa con hư hỏng, bệnh hoạn. Có việc lúc đầu thấy là ác, sau kết quả lại trở thành thiện. Như ông giáo dạy học trò, ông thường rầy phạt, bắt chúng phải học, khi ấy chúng cho ông là ác, đến sau học hành đỗ đạt, làm nên danh phận, chùng đó lại thấy ông là thiện. Ngoài ra, còn lắm việc như phong tục, tập quán nay cho là phải, là tốt, mai lại bảo là quấy, là xấu. Như người phụ nữ Việt Nam ngày xưa cho rằng “khuê môn bất xuất” là tốt, nay thì phải ra gánh gồng mọi việc, cho đến nhập ngũ làm quân nhân... là tốt. Hoặc phong tục, tập quán xứ này cho là phải, qua xứ khác lại bảo là quấy. Như ở Á Đông quý trọng người đàn ông, trái lại Tây phương quý trọng người đàn bà; ở Á Đông ngày xưa nếu trai gái nắm tay nhau coi như là xấu xa, ở Tây phương lại thấy lịch sự, đẹp đẽ v.v... và v.v... Sự thiện ác, tốt xấu, phải quấy ở thế gian này rối bời, khó phân tách rành rẽ. Người thiếu óc phán xét, khó nhận ra đâu là thiện, đâu là ác, đôi khi cứ nói hùa theo, người ta đề xướng sao mình nói theo vậy. Như câu chuyện ông Mặc Tử kể:

Nay có kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận thì ai nghe thấy cũng chê cười, quan bắt được tất trừng phạt. Tại sao vậy? - Tại người ấy làm điều bất nghĩa, lấy của người để làm lợi cho mình.

Kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó, lợn so với kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận thì lại là bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại lấy của người càng nhiều thì bất nhân càng to, tội càng nặng.

Kẻ vào nhà người ta ăn trộm trâu, bò, dê, ngựa so với kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó, lợn thì lại là bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại lấy của người càng nhiều, thì bất nhân càng lắm, tội càng nặng.

Kẻ giết người lương thiện, ăn cướp của cải, đồ đạc của người ta, so với kẻ vào chuồng ăn trộm trâu bò, dê ngựa thì lại là bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại giết người, lấy của bất nhân to lắm, tội càng nặng lắm.

Giết một người là điều bất nghĩa, tất phải chịu một tử tội. Cứ lẽ ấy mà nói rộng ra: giết mười người, tất phải chịu trăm tử tội...

Nay những kẻ làm điều bất nghĩa, nhỏ mọn, tầm thường như nói trên thì biết chê cười. Đến như những kẻ bất nghĩa thậm tệ như cướp nước người, tàn sát sanh linh hàng ức vạn... thường khi thiên hạ không biết chê cười lại còn hùa theo và khen ngợi cho là nghĩa, và ca tụng ghi chép công đức, như thế thì có gì gọi được là biết phân biệt nghĩa với bất nghĩa hay không?

Kẻ nào lúc thấy đen ít bảo là đen, lúc thấy đen nhiều bảo là trắng, thì ta cho kẻ ấy không biết phân biệt đen với trắng.

Kẻ nào ném đặng ít cho là đặng, lúc ném đặng nhiều cho là ngọt, thì ta cho kẻ ấy không phân biệt đặng với ngọt.

Thiên hạ bây giờ không phân biệt phải trái, hay làm lẫn lẩn.

(Trích Cổ Tục Tinh Hoa tập II, trang 162 của Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân)

Thật khó phân tách được đâu là nghĩa, đâu là bất nghĩa, đâu là thiện, đâu là bất thiện. Lại có lắm nhà ngụy biện lý luận điên đảo, khiến người ta đã mờ mịt lại thêm mờ mịt, không phân biệt được thế nào là thiện, thế nào là ác. Rốt cuộc họ cho rằng “thiện ác không có tiêu chuẩn”.

TIÊU CHUẨN THIỆN ÁC

Pháp Bát chánh đạo là nền tảng tu hành trong Phật giáo. Chánh kiến đứng đầu trong tám pháp, nó giữ một vai trò quan trọng. Thiếu chánh kiến, bảy pháp kia trở thành vô hiệu quả. Người qui y theo đạo Phật mà thiếu chánh kiến không thể gọi là Phật tử. Tại sao vậy? - Vì chánh kiến là nhận định phân biệt thiện ác, chánh tà, tốt xấu, phải quấy. Thiếu nhận định này làm sao biết được thiện để tu, biết ác để dứt, biết chánh theo, biết tà tránh... Công nghiệp của người Phật tử sau này có thành hay không đều do chánh kiến quyết định. Ở đây chúng ta dùng con mắt chánh kiến của Phật giáo qui định tiêu chuẩn thiện ác xem thế nào. Có lẽ vấn đề thiện ác này, người xưa không có nghi ngờ, nên tìm trong kinh không thấy định nghĩa, chỉ có tản mác trong các luận.

Thế nào là thiện ác?

- Theo Luận Thành Thật định nghĩa:

Tùy làm việc gì, hay cho người sự ưa thích, ấy là thiện...

Khiến người được vui, ấy gọi là ưa thích, cũng gọi là thiện, cũng gọi là phước.

(Tùy dĩ hà nghiệp, năng dữ tha hảo sự, thị danh thiện...

Linh tha đắc lạc, thị danh vi hảo, diệc danh vi thiện, diệc danh vi phước.)

(Thành Thật Luận 8, phẩm Nghiệp 100)

Lại cũng trong Luận Thành Thật, phẩm Giải:

Nếu được lợi mình lợi người, lợi hiện tại và vị lai đều do tâm thiện làm gốc, nếu bị tổn mình tổn người, tổn hiện tại và vị lai đều do tâm bất thiện làm gốc!

(Nhược nhân lợi tha lợi dĩ, kim lợi đương lợi, giai dĩ thiện tâm vi bản, nhược nhân tổn dĩ, kim tổn đương tổn giai dĩ bất thiện tâm vi bản.)

Căn cứ theo Luận Thành Thật định nghĩa: Phạm làm việc gì khiến người ta vui thích là thiện, và lợi ích cho mình và người, hiện tại và vị lai là thiện.

Luận Tỳ-bà-sa giải thích ba nghiệp thiện, ác, vô ký có đoạn nói như sau:

Hỏi: Thế nào gọi là thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Nếu việc làm khéo léo, hay chiêu cảm quả ưa thích, tính an ổn, gọi là thiện. Nếu việc làm không khéo léo, hay chuốc lấy quả không thích, tính không an ổn, gọi là bất thiện... Nếu việc làm cùng hai thứ kia trái nhau, gọi là vô ký.

Lại, nếu việc làm hay chiêu cảm quả khả ái, quả được vui, gọi đó là thiện. Nếu hay chiêu cảm quả bất ái, quả bị khổ, gọi là bất thiện. Nếu việc làm cùng hai thứ kia trái nhau, gọi là vô ký.

Lại, nếu việc làm hay dẫn mầm trong các cõi khả ái và mầm giải thoát, gọi là thiện. Nếu việc làm hay dẫn mầm trong các cõi phi ái, gọi là bất thiện. Nếu việc làm cùng hai thứ ấy trái nhau, gọi là vô ký.

Lại, nếu việc làm hay khiến sanh cõi lành, gọi là thiện. Nếu việc làm hay khiến sanh cõi ác, gọi là bất thiện. Nếu việc làm cùng hai thứ ấy trái nhau, gọi là vô ký.

(Vấn: Hà cố danh thiện, bất thiện, vô ký?)

Đáp: Nhược pháp xảo tiện sở trì, năng chiêu ái quả, tánh an ổn, cố danh thiện... Nhược pháp phi xảo tiện sở trì, năng chiêu bất ái quả, tánh bất an ổn, cố danh bất thiện... Nhược pháp dữ bỉ nhị chủng tương vi, cố danh vô ký.

Phục thứ, nhược pháp năng chiêu khả ái quả, lạc thọ quả, cố danh thiện. Nhược pháp năng chiêu bất khả ái, khổ thọ quả, cố danh bất thiện. Nhược pháp dữ bỉ nhị chủng tương vi, cố danh vô ký.

Phục thứ, nhược pháp năng dẫn khả ái hữu nha, cập giải thoát nha, cố danh thiện; nhược pháp năng dẫn phi ái hữu nha, cố danh bất thiện; nhược pháp dữ bỉ nhị chủng tương vi, cố danh vô ký.

Phục thứ, nhược pháp năng linh sanh thiện thú, cố danh thiện; nhược pháp năng linh sanh ác thú, cố danh bất thiện; nhược pháp dữ bỉ nhị chủng tương vi, cố danh vô ký.)

(Tỳ-bà-sa Luận, quyển 51, tạng Đại Chánh Tu, tập 27, trang 263)

Theo Luận Tỳ-bà-sa định nghĩa:

Việc làm chiêu cảm quả an ổn, ưa thích, đời này và đời sau, gọi là thiện. Việc làm chiêu cảm quả đáng chán, đau khổ, đời này và đời sau, gọi là ác. Việc làm không có hai tánh cách trên là vô ký.

Luận Thành Duy Thức định nghĩa:

Hay làm cho đời này, đời sau lợi ích, gọi là thiện. Quả vui cõi người cõi trời, tuy hiện đời hay lợi ích, không có lợi ích đời sau, nên không gọi là thiện. Hay làm tổn hại đời sau, gọi là bất thiện. Quả khổ trong cõi ác, tuy hiện đời bị tổn hại, đời sau không hại, nên chẳng gọi là bất thiện. Đối thiện, bất thiện trong nghĩa lợi ích và tổn hại không thể định rõ, nên gọi vô ký.

(Năng vi thử thể tha thể thuận ích, cố danh vi thiện. Nhân thiện lạc quả, tuy ư thử thể năng vi thuận ích, phi ư tha thể, cố bất danh thiện. Năng vi thử thể tha thể vi tổn, cố danh bất thiện. Ác thú quả báo, tuy ư thử thể tha thể vi tổn, phi ư tha thể, cố phi bất thiện. Ư thiện, bất thiện tổn ích nghĩa trung bất khả ký biệt, cố danh vô ký.)

(Thành Duy Thức Luận quyển 5, tạng Đại Chánh Tân Tu, tập 31, trang 26)

Theo Luận Thành Duy Thức định nghĩa: Việc làm có lợi ích đời này, đời sau gọi là thiện, tuy hiện tại có lợi mà đời vị lai không lợi, chưa phải là thiện. Việc làm tổn hại đời này, đời sau gọi là ác, tuy hiện tại có tổn hại mà đời sau không, chưa hẳn là ác. Việc làm không định rõ thiện hay ác, là vô ký.

Gần đây, ngài Thái Hư định nghĩa nghiệp thiện, ác như sau:

Nghiệp thiện là hành vi theo luân lý học hay đạo đức học ở thế gian, về Phật pháp gọi là thuận hạnh học.

Nghiệp thiện đứng về không gian là lợi mình, lợi người, về thời gian thì hiện tại, vị lai đều lợi. Nếu không xét đến lợi người và nhìn xa về vị lai, chỉ căn cứ lợi ích mình hiện tại, ấy là nghiệp ác.

Nghiệp thiện lấy lợi ích đại chúng làm tiền đề, nên kết quả tự tha đều lợi. Nghiệp ác lấy tổn hại đại chúng làm tiền đề, nên kết quả tự tha đều hại.

(Thái Hư, trong bài truyền luận kinh Thập Thiện nghiệp đạo)

Ngài Thái Hư định nghĩa thiện ác: Việc làm lợi mình lợi người, hiện tại và vị lai, lấy đại chúng làm tiền đề là thiện. Việc làm chỉ nhằm lợi ích mình hiện tại, lấy tổn hại người làm tiền đề là ác.

Qua các nhà luận trên, tương đối chúng ta thấy thiện ác đã rõ. Nhưng cũng còn vài nghi vấn nhỏ. Như việc làm lợi mình lợi người, hiện tại và vị lai, gọi là thiện. Thực tế có nhiều việc lợi người, hại mình mà vẫn là thiện. Như thấy nhà cháy, một em bé đang bị kẹt trong ấy, có người hi sinh chạy vào lửa cứu em ra. Khi cứu được em bé, người kia bị cháy phỏng khá nhiều, phải đau khổ vì những vết phỏng hành hạ. Sự an ổn của em bé, trong sự đau khổ của người kia như vậy, đâu phải hiện tại cả hai đều lợi? Hoặc như người phát nguyện vào bệnh viện lao, hủi săn sóc bệnh nhân. Hiện tại họ an ủi bệnh nhân được phần nào, song tương lai họ có thể bị truyền nhiễm. Như vậy, hiện tại thấy có lợi một phần, mà tương lai đâu hẳn là lợi?

Tuy nhiên, theo Phật giáo, những hành động cứu người, vì người, hiện tại hoặc vị lai ta có khổ, song cái khổ ấy chỉ thời gian ngắn ngủi, sau này sẽ hưởng cái vui thời gian dài gấp mấy lần. Như trường hợp người cứu em bé sắp bị chết đuối, người phát nguyện vào nhà thương lao chẳng hạn. Vì cái khổ ngắn, cái vui dài, nên cũng gọi là vui. Hơn nữa, tuy thân khổ mà cứu được mạng người, tâm vui thích, nên cũng gọi là vui.

Bởi tánh cách phức tạp của thiện ác như thế, nên qui định tiêu chuẩn thật khó khăn.

Thế theo những ý trên, tôi qui định tiêu chuẩn thiện ác thế này:

“Đối tự thân, hành vi xuất phát từ ý chí hướng thượng, được hướng dẫn bằng trí sáng suốt là thiện. Hành vi xuất phát từ tâm niệm hưởng thụ dục lạc, bị sai sử bởi si mê là ác.

Đối tha nhân, hành động xuất phát từ tình thương chân thật, được hướng dẫn bằng trí sáng suốt là thiện. Hành động xuất phát từ tâm tổn hại, sai sử bởi si mê là ác.

Bản thân chúng ta, bất cứ một hành vi nào xuất phát từ ý chí hướng thượng cộng với trí suy nghĩ sáng suốt, đều đưa đến kết quả tốt đẹp, an ổn. Như từ người xấu xa hèn hạ muốn tiến lên người thường, từ người thường muốn tiến lên người tốt, từ người tốt muốn tiến lên thành người hiền, từ người hiền muốn tiến lên thành bậc Thánh. Sự mong mỏi tiến lên ấy là ý chí hướng thượng. Có ý chí hướng thượng rồi, cần phải có trí sáng suốt xét đoán muốn thành người tốt người hiền phải làm thế nào? Sau khi xét đoán rồi, phải thanh lọc cái gì làm cho mình xấu, phụ trợ cái gì làm cho mình tốt. Có thể mới từ người xấu trở thành người tốt được.

Ngược lại, hành vi xuất phát từ tâm niệm hưởng thụ dục lạc, lại bị si mê sai sử, chắc chắn sẽ đưa đến kết quả xấu xa đau khổ. Như người muốn thụ hưởng sắc dục, cộng với tâm si mê, nên làm việc tà dâm gây thành việc xấu xa đau khổ sau này.

Đối tha nhân, những hành động xuất phát từ tình thương chân thật, tức là muốn làm lợi ích an vui cho người cộng thêm trí suy nghĩ sáng suốt, xét biết cái vui nào lâu dài, cái vui nào ngắn ngủi, cái vui nào thật, cái vui nào giả, rồi chọn cái vui lâu dài chân thật đem đến cho người. Có nhiều khi muốn đem cho kẻ khác cái vui lâu dài, nhưng phải đối với cái giá khổ ngắn ngủi, họ vẫn can đảm làm. Thí dụ: câu chuyện Lưu Bình, Dương Lễ chẳng hạn.

Đối tha nhân, những hành động xuất phát từ tâm tổn hại, tức là muốn phá hoại khiến người đau khổ, cộng thêm si mê, không biết suy nghĩ phải trái; chắc chắn sẽ làm cho người đau khổ, cũng chúc đau khổ về cho mình. Như muốn giết người trả thù, khi đó không biết suy xét kết quả khốc hại sau này, cứ làm bướng làm càn, nếu người chết, mình bị tù đày. Có khi giết người rồi, họ trốn thoát, hiện tại như khỏi khổ tù đày, song khổ trốn chui trốn nhủi làm sao thoát được.”

Tóm lại, hành động thiện phải có tình thương chân thật (từ bi) và trí sáng suốt (trí tuệ) cộng lại mới thành. Hành động ác phải có tâm tổn hại cộng với si mê mới thành. Bởi động cơ thúc đẩy hành động thành thiện hay ác là từ tâm niệm, chúng ta không hiểu thấu được tâm niệm người, chỉ nhìn trên hành động người, phê phán thiện ác không thể nào đúng được. Hành động thiện phải có trí phán xét, thiếu trí phán xét, tuy có lòng thương chân thật, nhưng đến kết quả chưa hẳn là thiện. Vì vậy, muốn phân biệt thiện ác phải có nhận xét tinh vi, tìm từ chỗ phát xuất của hành động ấy và đến cái kết quả vị lai của nó. Nếu chỉ nhìn hiện tại mà thẩm định thiện ác thì thật là oan.

Sau khi phân biệt được thiện ác, chúng ta tiện bàn luận lý Phật giáo.

PHẬT TỬ TẠI GIA

A. BẢN THÂN

Phật tử tại gia vừa lo sanh kế nuôi gia đình, vừa lo học hỏi chánh pháp để tu thân. Công việc của người tại gia thật là bề bộn phức tạp, nên việc tu thân rất là khó. Nhưng với tinh thần cầu tiến, người Phật tử tại gia đối với bản thân phải cố gắng thực hiện bốn điều sau này:

I.- CHÁNH KIẾN

Là Phật tử, điều kiện tiên quyết phải có chánh kiến. Chánh kiến là tay lái đưa con thuyền đời chúng ta đến bến Chân Thiện Mỹ. Chánh kiến là cửa ngõ duy nhất đi vào nhà đạo đức. Có chánh kiến là có tất cả điều lành, lẽ phải.

Thế nào là chánh kiến?

- Chánh kiến là phân định rành rẽ thiện ác, biện biệt tường tận thật giả, suy xét thấu đáo lý nhân quả.

Phân định rành rẽ thiện ác, trong phần tiêu chuẩn thiện ác đã nói. Biện biệt tường tận thật giả là điều cần phải bàn.

Trong xã hội hiện tại, người ta luôn luôn che giấu, bung bít sự thật. Bản tánh sự thật lúc nào cũng bình thường và giản dị, nhưng óc tưởng tượng của con người không ưng như thế, họ thích tưởng tượng những chuyện phi thường, những hình dáng màu sắc rực rỡ, lộng lẫy. Vì thế, họ không dám nhìn thẳng sự thật, cũng không dám nghe sự thật. Tuy nhiên, ngoài miệng họ lúc nào cũng rêu rao yêu chuộng chân lý, tìm hiểu sự thật. Khi sự thật hay chân lý hiện đến, họ liền xây lưng chỗ khác, không chịu nhìn. Như người trong câu chuyện này:

Xưa có người ngu cưới cô vợ đẹp, rất yêu mến nhưng cô vợ vẫn không thương anh. Sau một thời gian ăn ở với nhau, cô vợ lại tư tình với kẻ khác.

Vì quá thương tình nhân, cô ấy muốn bỏ chồng, đi theo người yêu, ngầm bảo một bà lão: “Bà, sau khi tôi đi, bà kiếm một xác chết của một người đàn bà khác, để trên giường và bảo chồng tôi là tôi đã chết.” Bà lão ưng thuận. Khi chồng cô đi vắng, bà đem xác chết để trên giường. Người chồng về, bà bảo: “Vợ anh chết rồi.” Người chồng đến xem, tin là vợ mình đã chết, thương xót khóc lóc, buồn thảm, sắm sửa dầu củi hỏa táng, lượm xương đựng trong túi, ngày đêm đeo luôn bên mình.

Thời gian sau, tình thương phai lợt, cô vợ ấy lại quay về nhà cũ, bảo chồng: “Thưa anh, em là vợ anh trước đây.” Người chồng đáp: “Thưa bà, vợ tôi đã chết lâu rồi, bà là người lạ, bà nhận đùa là vợ tôi, chớ nào có phải.” Cô vợ giải thích đôi ba phen, ông chồng vẫn khẳng khái nhất định không tin.

Đó là thái độ người đời nói yêu chân lý mà không dám thừa nhận chân lý. Như anh chàng kia rất yêu vợ, cam chịu đeo túi xương khô bên mình, nhất định không nhận người vợ thật.

Có khi họ cũng biết sự thật như vậy, mà muốn nghe người ta nói khác đi. Như anh chàng tài nghệ tầm thường, tánh tình xoàng xĩnh, đi xem tướng. Ông thầy bảo: “Tướng anh tầm thường lắm, không có gì đặc sắc.” Ra về, anh chê: “Thầy tướng quá dở.” Đến ông thầy khác, ông thầy này nói: “Tướng ông hiện giờ tầm thường, song sau này sẽ phát đạt, xuất sắc.” Anh khen: “Ông thầy tướng nói thật hay.”

Hoặc giả làm ác mắc tai họa, làm lành được phước đức, sự thật rõ ràng như vậy, mà người ta không tin. Họ hằng ngày cứ làm ác, ít hôm chạy tìm thầy bói, cô cốt nhờ coi mình có tai họa gì không để cầu cúng.

Có khi muốn hướng về đạo đức, họ đến với các nhà Sư để cầu xin dạy bảo. Vị Sư chân thành nói: “Tôi còn phạm tục, những tánh xấu chưa dứt hết, còn đang nỗ lực trong việc tu hành.” Họ liền từ giã vị Sư ấy, đi tìm vị Sư khác. Đến đây ông Sư này bảo: “Tôi đã chứng đạo quả, không còn tu tập nữa, thường có thần linh ủng hộ tôi, ai nói xấu tôi là bị trừng phạt liền...” Nghe rồi họ khâm phục xin thọ giáo qui y, cho là đã gặp bậc thầy chân tu đắc đạo. Hoặc cần học hỏi giáo lý, họ đến hỏi một vị Sư. Vị này đáp: “Muốn dứt khổ phải biết bớt tham sân si; muốn bớt tham, sân, si, phải tu bố thí, nhẫn nhục và học giáo lý.” Họ cho ông Sư này dạy tầm thường, tìm đến cầu học với vị Sư khác. Ông Sư này bảo: “Ông về ăn chay đi, đến hội Long Hoa tất cả đều chết hết, chỉ người nào ăn chay mới được Phật cứu độ. Tôi cấp năm vị Thần thường theo ủng hộ ông...” Họ cho ông Sư này dạy đạo rất cao.

Cho đến những việc giao tế hằng ngày, nếu người ý nghĩ thế nào, miệng nói như vậy, liền bị phê bình là quê mùa cục mịch, nếu người ý nghĩ sao không cần biết, miễn ngoài mặt vui vẻ, miệng ngọt ngào, được liệt vào hàng bật thiệp. Bởi vì sự thật bao giờ cũng bình thường, giản dị mà người ta thích cầu kỳ bóng bẩy, cho nên lúc nào cũng trái nhau. Chỉ người nào gạt ngoài ý cầu kỳ bóng bẩy mới nhận được sự thật. Như người gỡ cặp kính màu, mới thấy rõ màu sắc thật của sự vật.

Đức Phật giác ngộ chân lý cũng rất bình thường, giản dị. Như xét con người là khổ, vì các nhân nhóm họp. Làm sao dứt khổ? - Diệt hết các nhân. Làm sao diệt hết các nhân? - Y phương pháp Bát chánh tu hành. Ngộ được như vậy, gọi là đạt được pháp Tứ đế. Hoặc xét: Vạn vật từ nhân duyên sanh, nhân duyên ly tán, vạn vật tiêu diệt. Ngộ được chỗ này, gọi giác ngộ lý

nhân duyên sanh. Thật là giản dị. Chính vì chỗ giản dị đó không làm thỏa mãn được một số người có óc cầu kỳ. Như:

Họ hỏi: Vũ trụ nhân sanh từ đâu có?

Phật đáp: Do nhân duyên sanh.

- Thế nào là nhân duyên sanh?

- Cái này có cái kia có, cái này sanh cái kia sanh.

(Thử hữu cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh.)

- Người tham sắc phải tu pháp gì?

- Lấy quán bất tịnh trị.

- Người tham tài phải tu pháp gì?

- Lấy bố thí trị.

- Người hay nóng giận phải tu pháp gì?

- Lấy nhẫn nhục và từ bi trị.

Qua những lời đáp đây, chúng ta thấy có gì phi thường kỳ lạ? Chẳng qua đối bệnh cho thuốc, rất thực tế giản dị. Thế mà, người đời có ưng thuận cách dạy giản dị thực tế đó đâu. Phải nói thế này họ mới chịu:

- Vũ trụ nhân sanh từ đâu có?

- Do Thượng đế ngự tại cung Bạch Ngọc sai Sơn thần xuống thế gian biến ra núi, Thổ thần biến ra đất, Thủy thần biến ra nước, Bà Nữ hóa sanh ra con người...

Nghe như vậy họ sẽ thỏa mãn. Đến vấn đề tu tập cũng thế:

- Tham sắc lấy gì trị?

- Đây, tôi có lá bùa do công phu tu luyện nhiều năm, cho ông mang vào cổ, khi nào thấy sắc đẹp, ông tụng câu chú này, liền có năm vị thần hiện ra đuổi sắc đẹp đi xa.

Được nghe những lời thần bí như vậy, người ta dễ tin phục kính trọng. Nhưng những việc thần bí ấy có phải là sự thật hay không? Hẳn là không. Thế mà người ta thích như vậy, tin như vậy.

Giờ đây, chúng ta xét lời Phật dạy có đúng sự thật hay không. Vạn vật trong vũ trụ này, không vật nào tự sanh hay ngẫu nhiên có, đều do chung hợp các duyên mà thành. Tìm khắp mặt đất, không có một vật nào ngoài nguyên lý ấy. Nhưng nói sự thật đó, người ta lại hững hờ không tin. Đến muốn dứt tâm tham sắc, chỉ có cách làm sao khi đối sắc không thấy đẹp, lại sanh ghê gớm, đó là công dụng của quán bất tịnh. Muốn dứt tâm tham tài, chỉ có cách đem của mình ra cho người. Của mình sẵn có còn đem ra cho, thử hỏi tham lam của người làm gì? Phật dạy dứt hết nhân thì quả không còn. Đó là sự thật không cầu kỳ, huyền bí gì cả.

Phật giáo là nền giáo lý rất bình thường, giản dị. Như Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo: “Mạng người sống bao lâu?” Có thầy Tỳ-kheo trả lời: “Sống trong hơi thở.” Phật khen: “ Ông đã hiểu đạo.” Hiểu đạo, nghĩa là thấy sự thật, nhận được sự thật. Bình thường, chúng ta nói mạng người sống trăm năm. Nhưng có ai chắc sống đến trăm năm không? Hoặc nói năm chục năm, ba chục năm, cho đến một ngày đi nữa, cũng chưa hẳn là đúng. Chỉ nói thở ra không hít vào là chết, đó là

sự thật muôn đời. Có người hỏi vị Tổ sư: “Thế nào là đạo?” Ngài đáp: “Con quạ đen, con cò trắng.” Quạ đen, cò trắng là sự thật hiển nhiên, thấy được sự thật là thấy đạo.

Về mặt nguyên lý thì rất bình thường, giản dị. Hiểu được nguyên lý ấy, đem ra áp dụng sẽ có công dụng phi thường. Hiện tại chúng ta có những chiếc xe tăng khổng lồ, những chiếc tàu biển chở cả chục vạn tấn, đâu không phát xuất từ hơi nước sôi lạch tạch trong nồi? Những chiếc phản lực cơ bay động trời, đâu không phát xuất từ những cây pháo thăng thiên để vui chơi trong dịp Tết? Một trái bom nổ tan cả thành phố ở Nhật Bản, đâu không phát xuất từ những hạt nguyên tử? Cũng như vậy, thấy được sự thật của vũ trụ, tuy nó bình thường giản dị, song người ấy sẽ có khả năng tự tại phi thường.

Hiện tại người ta đề xướng những việc phi thường, huyền bí, lộng lẫy, rườm rà, nó chỉ là lớp sơn, cái vỏ cứng bao bọc che lấp sự thật. Chúng ta muốn thấy sự thật, yêu chuộng sự thật, đừng để cho sắc màu rực rỡ làm tối mắt, đừng bị âm thanh hoa mỹ làm lảng tai; phải nhìn thấu qua những ảo ảnh của sắc tướng, thanh âm. Có thể mới thấy được sự thật. Thấy được sự thật rồi, đời ta sẽ khỏi lạc lăm, cuộc sống mới được an ổn. Đó chính là nền tảng vững chắc của chúng ta trên con đường tu thân, học đạo.

Phân biệt được thật giả rồi, người Phật tử còn phải suy xét thấu đáo lý nhân quả.

Nhân quả không phải là một chiều, như nói “nhân nào quả nấy”, mà có cả hai chiều thuận và nghịch. Nhân cần phải cộng với duyên mới sanh trưởng. Duyên có thuận duyên, nghịch duyên. Sự sanh trưởng còn tùy thuộc duyên nào, nó sẽ thành hay phải hoại. Như gieo hạt giống xuống đất là đã có chánh nhân, có đủ phân, nước, ánh sáng, nhờ cỏ v.v..., thuận duyên, chắc chắn hạt giống sẽ nứt mầm thành cây lúa và kết quả được nhiều bông lúa. Nếu có hạt giống, có phân, có nước... mà thiếu một vài điều kiện, như ánh sáng chẳng hạn, thì kết quả kém sút rất nhiều. Nếu có hạt giống mà thiếu hẳn các duyên kia, hạt giống cứ nằm đó rồi hoại. Hoặc hạt giống đã lên thành cây lúa, mà bị sâu rầy cắn, vẫn không có bông lúa. Đó là gặp nghịch duyên phá hoại. Còn rất nhiều trường hợp, không thể kể hết.

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta biết gây nhân lành được quả lành, tạo nhân ác mắc quả ác, song không phải một chiều như vậy. Nếu chúng ta gây nhân lành mà không tạo đủ duyên cho nó sanh trưởng cũng có thể không kết quả lành. Như có người giàu thấy đứa cháu bà con nghèo, mồ côi cha mẹ, động lòng thương đem về nuôi. Song hằng ngày chỉ cho ăn ba bữa cơm, không để ý săn sóc đến nó, không cho học hành, chỉ nuôi để mà nuôi. Đến lớn khôn, thằng cháu không biết ơn, trở lại oán trách là khác. Đó là cái nhân lành mà không có quả lành, chỉ vì thiếu thuận duyên cho nó tăng trưởng. Nếu không hiểu lý này, người nhà giàu nọ sẽ kêu trời, tại sao tôi nuôi nó mà nó lại oán tôi! Ngược lại, nếu người nhà giàu ấy, nuôi đứa cháu ấy coi như nuôi con, hằng ngày săn sóc, lo cho học hành, đến lớn khôn, dù bội bạc thế nào, thằng cháu ấy cũng khó quên ơn. Đó là đủ nhân, đủ duyên thì kết quả chắc chắn.

Có nhân, mà gặp nghịch duyên, nhất định không kết quả. Như anh chàng kia đang đi dạo bên bờ sông, bỗng thấy xuống chìm có người sắp chết đuối, động lòng hào hiệp, anh nhảy ào xuống sông, lội vớt người ấy lên. Khi cứu sống người ấy, nhìn ra là kẻ thù của anh. Anh hối hận nói: “Phải biết mây, tao để chết đuối cho rồi.” Một câu nói ấy, phủ nhận tất cả công ơn đối với người được cứu. Thế là có nhân tình thương, mà gặp duyên sân phá hoại không kết quả lành. Còn không biết bao nhiêu sự kiện tương tự như vậy, người không thấu đáo lý nhân quả, bảo rằng “không có nhân quả”.

Xét lý nhân quả, phải qua ba thời mới khỏi sai lầm. Bởi vì nói nhân quả là nói đến thời gian. Từ khi gieo nhân đến lúc gặt quả, thời gian ấy hoặc dài, hoặc ngắn, mau, chậm không nhất định. Nếu chặn một đoạn nào đó bắt buộc phải kết quả, thật là vô lý. Thí dụ:

Đồng thời ba người gieo nhân: người gieo lúa, người trồng chuối con, người ương hạt xoài; đến cuối năm, người gieo lúa được gặt; sang năm sau người trồng chuối, chuối có buồng; người ương hạt xoài phải đợi đến bốn, năm năm sau, xoài mới có trái. Tại sao đồng thời gieo giống mà kết quả sai biệt như vậy? - Tuy đồng thời gieo giống, nhưng tùy loại giống có kết quả mau, chậm khác nhau. Có khi cùng một loại giống mà kết quả cũng sai biệt. Như cũng ương hạt xoài, anh A ương nhằ đất tốt, thường vun phân, tưới nước; anh B ương chỗ đất xấu, lại ít săn sóc. Đến bốn năm sau, xoài anh A có trái, xoài anh B vẫn còn thấp lùn, không trái trăn gì cả. Tại sao đồng một loại giống, gieo cùng một thời, mà kết quả lại sai biệt? Tại vì đất sai biệt và săn sóc sai biệt.

Qua các thí dụ trên, chúng ta so sánh việc làm của người đời cũng thế. Đồng thời làm phước: người bố thí cho kẻ bần cùng, người săn sóc bệnh nhân, người xây cất chùa chiền. Ba bốn tháng sau, bệnh nhân được lành, đến tạ ơn người đã săn sóc. Sau vài năm, người nghèo cùng kia làm ăn phát đạt, tìm ân nhân để đền đáp. Chỉ có người cất chùa trông hoài không thấy dấu hiệu gì về kết quả.

Lại, hai người đồng thời làm việc phước thiện, sau đó một thời gian, có người làm ăn phát đạt, gặp toàn việc vui vẻ may mắn; còn người kia vẫn lụi tụt không thấy gì lạ. Nếu không hiểu rõ lý nhân quả, người ta sanh hồ nghi; tại sao người làm phước liền gặp phước, còn người làm phước lại không gặp? Lý nhân quả có bất công chăng? Sự thật lý nhân quả công bằng bình đẳng triệt để. Phải công bằng, khi gieo nhân, phải công bằng trong các duyên, kết quả không bao giờ sai biệt. Nếu nhân đồng mà duyên sai biệt, kết quả phải sai biệt. Bình đẳng ấy mới chân thật bình đẳng, công bằng ấy mới triệt để công bằng. Không phải lối công bằng giả tạo, bình đẳng bắt buộc, như một số người hiện tại chủ trương.

Biết rõ thời gian gieo nhân đến kết quả không cố định ngắn dài, sớm muộn, biết rõ có nhân đủ duyên kết quả bình đẳng như nhau, chúng ta cứ sẵn sàng vung tay gieo nhân tốt mãi mãi, tận lực tạo duyên cho nhân ấy đủ điều kiện sanh trưởng, kết quả tốt chắc chắn phải đến, đừng mong mỏi chờ đợi vô ích.

Tóm lại, nhân quả là chân lý phổ biến trên vũ trụ vạn vật trong vòng tương đối. Các nhà khoa học, triết học, luân lý học được phát triển đều nương lý nhân quả mà thành. Chúng ta nhận xét lý nhân quả thấu đáo, trong cuộc sống của chúng ta sẽ an ổn lạ thường. Hằng ngày chúng ta hăng hái làm thiện, dè dặt phòng ngừa những lỗi ác. Chúng ta an nhiên khi tai họa đến, bình thản lúc gặp dịp may. Nhân quả là một thứ linh dược làm an thần và tráng kiện con người chúng ta.

II.- PHÁT CHÍ HƯỚNG THƯỢNG

Có chánh kiến rồi, người Phật tử cần phải phát chí hướng thượng. Nghĩa là lập chí tiến lên mãi mãi về phần đức hạnh, không bao giờ chịu đứng lại hay lui sụt. Muốn được vậy, trước hết chúng ta phải phát tâm cung kính các nhà đức hạnh. Như trong kinh, Phật dạy các thầy Tỷ-kheo:

Nếu Tỷ-kheo thực hành cung kính, khéo quán sát, kính trọng những vị hạnh thanh tịnh là đã có đầy đủ oai nghi, đủ học pháp, đủ thân giới, đủ thân định, đủ thân tuệ, đủ thân giải thoát tri kiến, đủ Niết-bàn.

(Trung A-hàm, quyển 10, phẩm Tập Tương Ưng, bài kinh số 8)

Cung kính là đứng đầu trong các hạnh cho đến Niết-bàn. Có cung kính người đức hạnh chúng ta mới hâm mộ, học tập theo đức hạnh. Nếu xem thường đức hạnh, chúng ta không chịu gần gũi người đức hạnh, kết cục chúng ta không có đức hạnh. Bình thường chúng ta hâm mộ thích thú làm nghề gì, việc gì, thì sớm muộn gì chúng ta cũng có thể làm được việc đó. Như Đinh Bộ Lĩnh lúc nhỏ thích cầm binh đánh giặc, lớn lên đầu quân dẹp loạn mười hai sứ quân. Vì thế, về phương diện đạo đức, chúng ta muốn tiến lên, trước phải phát tâm cung kính khen ngợi những nhà đức hạnh. Sự cung kính khen ngợi đó đối với các vị được cung kính không có thêm bớt gì, song riêng phần chúng ta được ảnh hưởng rất lớn lao. Vì đã tạo cho ta một tâm niệm hướng thượng, đã đạt được mục tiêu nhằm tiến lên.

Có người nghi: Đức Phật đã xóa bỏ tất cả quyền thế, danh vị, cho đến thân thể cũng không quý tiếc, tại sao khi sắp Niết-bàn, Phật dặn đệ tử sau khi thiêu, lấy xá-lợi xây tháp thờ?

- Chính vì tâm lợi tha, đức Phật mới dặn như vậy. Xá-lợi chỉ là một mớ xương tàn của Phật, mà còn được quý trọng xây tháp cúng dường, huống là toàn thân Phật. Do đó, người đời phát tâm hâm mộ làm Phật, tìm hiểu những phương pháp Phật đã tu, bắt chước tu theo. Như vậy là gián tiếp giáo hóa người đời sau. Kinh Pháp Hoa nói: *“Người đời trước hình tượng Phật, cho đến chấp tay cung kính, sau này cũng sẽ thành Phật.”* Cung kính những hạng người nào, tức là đã gieo chủng tử ấy vào Tàng thức chúng ta rồi. Cung kính Phật tức là chúng ta đã gieo chủng tử Phật, tương lai chúng ta sẽ thành Phật. Cung kính tà ma quý quái, tức là chúng ta đã gieo chủng tử tà ma quý quái, tương lai có thể là tà ma quý quái.

Vì thế chúng ta phải phân biệt, chỗ nào đáng cung kính, chỗ nào không đáng cung kính. Chỗ không đáng cung kính mà cung kính tức là chúng ta đã gieo những chủng tử không tốt cho chúng ta sau này. Cho nên, người Phật tử khi qui y Tam Bảo đã phát nguyện: *“Qui y Phật, không qui y thiên thần quỷ vật, qui y tôn hữu, ác đàng.”*

Chữ qui y có nghĩa là cung kính nương về. Chúng ta đã cung kính Tam Bảo, lấy Tam Bảo làm mục tiêu, nhất định không nghĩ và không theo nơi nào khác. Trong Tam Bảo, về phần Tăng bảo, như kinh nói: *“bốn đôi tám bậc Hiền Thánh”*, nghĩa là hướng A-na-hàm, A-na-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm; cho đến hướng A-la-hán, A-la-hán. Tám bậc ấy là Hiền Thánh tăng, chúng ta thành tâm quyết kính. Song hiện tại Tăng rất ít có trong tám bậc ấy, hầu hết là Phạm tăng, cho nên người Phật tử còn một phen gián biệt nữa. Trong Phạm tăng này, có người lợi dụng chiếc áo làm sanh kế, người Phật tử phải biết cung kính nơi nào đáng cung kính. Bởi vì, khởi tâm cung kính, chúng ta phải thân cận học hỏi, nếu vị ấy không chân chánh ắt sau này tâm sanh ra chán lờn, khinh báng, mất hết chủng tử tốt đẹp trước.

Tóm lại, cung kính bậc đức hạnh làm mục tiêu nhắm đến, khiến chúng ta chỉ tiến lên không sai lạc. Như người đi biển đã trông thấy ngọn hải đăng. Cung kính là một trợ duyên đắc lực nhất trên con đường đức hạnh, như nước giúp cho cây cỏ được xanh tươi, song phải cung kính những vị thật đức hạnh.

III.- TỰ TÍN

Cung kính các bậc đức hạnh là phát chí hướng thượng, nếu thiếu đức tự tín, chí ấy cũng không thành đạt. Chúng ta phát tâm cung kính Phật, tức là muốn làm Phật, nhưng không tin mình có khả năng thành Phật, ý muốn làm Phật kia dần dần tiêu ma. Cũng thế đối với những vị đức hạnh, chúng ta phát tâm cung kính, nhưng bảo rằng việc ấy chỉ các ngài làm được, chớ mình không phần. Nếu có tâm nghĩ như vậy, chúng ta không thể nào tiến bộ thành người đức hạnh được.

Chúng ta không nên khinh mình, phải tin tưởng cố gắng. Đức Phật quở ngài La-hầu-la: “Sao không noi gương các vị A-la-hán đức hạnh mà sửa nét?” Ngài La-hầu-la thưa: “Việc các vị ấy làm, con không thể làm nổi.” Phật bảo: “Kia là trượng phu, ta cũng trượng phu, chớ tự khinh mà lui sụt.” Tự tín là một cứ điểm hệ trọng, chúng ta bảo thủ để chiến thắng quân ma. Bồ-tát Thường Bất Khinh suốt đời chỉ làm một việc, đến đâu, gặp ai đều chấp tay thưa: “Tôi không dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành Phật.” Đó là Ngài gieo cho chúng ta đức tự tín, mình có khả năng thành Phật. Bởi vì chúng ta thiếu đức tự tín nên thấy việc làm của chư Phật, Bồ-tát biết là hay, đáng kính, song cho rằng mình không thể làm nổi. Do đó, mà không tiến lên được, trái lại còn sụt lùi là khác. Việc làm của ngài Thường Bất Khinh mới thấy là tầm thường, song hết sức quan trọng đối với bọn người thiếu đức tự tín như chúng ta. Sự cảnh giác, đánh thức đó gây cho chúng ta một niềm tin mãnh liệt. Có niềm tin rồi, lo gì trên con đường đạo xa xôi, chúng ta không đi đến đích?

Lại có người đổ cho nghiệp lực, vì nghiệp lực lôi cuốn nên không thể làm được, tu được... Nghiệp lực vẫn có, nhưng không phải cố định chịu như vậy, không thay đổi. Vì nghiệp phát xuất từ tâm niệm, hành động chúng ta, một khi tâm niệm hành động thay đổi, thì nghiệp cũng tùy thuộc chuyển hướng. Như cây cỏ, nhà cửa đều nương nơi đất, một khi đất chuyển động, cây cỏ, nhà cửa cũng lung lay. Chúng ta phải như nhà đại lực sĩ, tuy bị trói hằng trăm nuốt dây, một khi chuyển mình thì những nuốt dây ấy từ từ đứt sạch. Đã là con người thời ai khỏi mang nghiệp đời quá khứ, song phải vận dụng sức mạnh cánh tay tự tín, cầm con dao trí tuệ, cắt đứt tất cả dây oan nghiệt, thoát mình ra ngoài vòng trời cao bể cả, ngao du tự tại.

Đức tự tín là yếu tố hệ trọng trong con người chúng ta. Thiếu nó, chúng ta sẽ xanh xao, yếu ớt không làm nổi việc gì. Tự tín là nhiên liệu đẩy chiếc phi cơ ý chí thẳng đến mục đích xa xôi.

IV.- TU THÂN

Người Phật tử phải lấy mười điều thiện làm căn bản tu thân. Mười điều này là cội gốc sanh tất cả công đức, là những nấc thang đầu lên quả vị Thánh Hiền. Không ai trở thành đức hạnh mà thiếu mười điều này.

1) **Không giết hại người vật:** Đương nhiên điều này lấy con người làm trọng tâm. Mạng sống con người là giá trị tối cao trong tất cả giá trị. Dù có tất cả của báu trên thế gian này, mà mạng sống phải diệt, người ta cũng không ưng có. Chúng ta biết quý mạng sống của chúng ta, người khác cũng quý trọng mạng sống của họ như vậy. Muốn mình sống mà tàn sát sanh mạng người, thật là điều vô lý bất công. Một dân tộc được gọi là văn minh phải quý trọng sanh mạng con người trên tất cả. Chỉ trừ bọn dã man khát máu mới khinh thường mạng sống con người. Giẫm đạp trên sanh mạng con người để làm nấc thang vinh hiển cho mình, thật không còn tội ác nào nặng bằng. Phật tử biết quý trọng sanh mạng mình, nên tôn trọng sanh mạng của kẻ khác. Tâm niệm từ bi bình đẳng xem mọi người như mình, điều gì mình không chịu, không làm cho kẻ khác phải chịu. Cho nên chính mình không giết người, không xúi bảo kẻ khác giết, cũng không cam tâm vui vẻ khi thấy người bị giết.

Đến các loài vật, Phật tử cũng không có ác tâm sát hại chúng, nếu không phải là vấn đề cần thiết. Bởi suy từ con người ra đến loài vật, con người sợ bị giết hại, loài vật cũng sợ bị giết hại. Tại sao chúng ta biết bảo vệ sanh mạng của chúng ta, vô cớ lại tàn sát sanh mạng loài vật? Tuy nhiên, đây chỉ là sự giảm bớt những sự giết hại vô cớ, ngoài ra vì hoàn cảnh, vì sự sống không thể tránh hẳn được.

Được vậy, mới là điều thiện tích cực, cần phải thực hành điều thiện tích cực. Nghĩa là mình không giết người, thấy người sắp bị giết lại tìm mọi phương tiện cứu thoát. Tất cả việc thiện không việc nào bằng cứu sống mạng người. Như nói:

*Dù xây chín đợt phù đồ
Không bằng làm phước cứu cho một người.*

Phật tử phải vận dụng tất cả khả năng sẵn có của mình tìm cách cứu thoát sanh mạng người. Ngoài sự bị giết hại, hoặc bệnh hoạn, tai nạn... có thể làm thương tổn sanh mạng người, Phật tử đều nhiệt tình cứu giúp. Các loài vật cũng thế. Chính mình thực hành cứu giúp lại khuyên người cũng thực hành. Đây là điều thiện tích cực của Phật tử.

2) **Không trộm cướp:** Sanh mạng con người, chúng ta đã quý trọng thì tài sản là huyết mạch, thiếu nó sẽ thương tổn đến sanh mạng, nên cũng quý trọng như thế. Chúng ta đau khổ khi mất của thế nào, người mất của đau khổ cũng vậy. Tại sao ta không ưng ai cướp đoạt của ta, mà ta lại đi cướp đoạt của người? Hành động như vậy thật là bất công, tàn ác. Ngoài những việc trộm cướp chánh thức ra, dùng mưu mô kế hoạch sang đoạt, lường lặn của người đều thuộc phạm vi trộm cướp. Kẻ trộm cướp là phá hoại hết lòng từ bi, tăng trưởng tâm thâm độc. Họ là người từ khước hết mọi an lành, vui vẻ đưa mình vào cửa ngục đen tối khổ đau. Phật tử nguyện dứt hết đau khổ, cầu được an vui, nên xa lánh trộm cướp như tránh xa hang hùm miệng cọp. Chính mình không trộm cướp, không xúi bả người, cũng không tán thành ai làm việc trộm cướp. Đây mới là phần thiện tích cực.

Chúng ta đã không có tâm trộm cướp của người, thấy người đói thiếu, khổ sở, còn phát tâm giúp đỡ, khiến họ được no ấm vui vẻ. Lòng từ bi không cho phép chúng ta no ấm, an ổn, để mặc người đói rét kêu than. Chúng ta nên xem nỗi khổ của người như nỗi khổ của mình. Thà chia sót nhau miếng cơm, manh áo hơn là ngồi ăn mâm vàng, chén ngọc, để những người chung quanh mình đói khát, kêu van. Lo bồi bổ thân này toàn sơn hào hải vị, chẳng qua làm nặng nề thêm xác thú ở thời gian sau. Chi bằng sống đạm bạc, nhín ăn, bớt mặc để chia sót cho đồng bào đói thiếu, tuy thân này gầy ốm, nhưng tinh thần cao thượng ai bì. Người sẵn sàng ra tay chân tế, cứu nguy như vậy, gọi là hành động thiện tích cực.

3) **Không tà dâm:** Vật thuộc của người đã không được lấy, người thuộc về người cũng không được xâm phạm. Ai cũng muốn bảo vệ vật sở hữu của mình, nhất là tình thương thuộc sở hữu của ai không bao giờ họ chịu chia sẻ. Bởi vì chia sẻ tình thương có thể làm ly tán gia đình. Tình thương là sợi dây ràng buộc giữa vợ chồng trong gia đình, nếu sợi dây ấy đứt, gia đình sẽ tan vỡ. Xâm phạm đến tình thương của người tức là phá tan hạnh phúc của người, và có thể đe dọa đến sanh mạng người nữa. Chẳng những chỉ hại gia đình người mà còn mang họa về cho gia đình mình. Một hành động tổn hại lớn lao như vậy, thử hỏi người có lòng từ bi, có trí sáng suốt, có nhãn tâm làm việc như vậy hay không? Vì thế, người Phật tử nhất định không tà dâm, không đồng ý và tán thành việc ấy.

Chẳng những Phật tử không tà dâm, mà còn đem pháp trình thuận dạy bảo trong gia đình và gia đình người. Trình thuận là hạnh nét tốt, đem an lành đến mọi gia đình. Phật tử tích cực khuyến khích, khen ngợi hạnh nét trình thuận.

4) **Không nói dối:** Nói dối có tánh cách đảo ngược sự thật để thu lợi về mình, hoặc làm hại người. Tâm tham và ác là động cơ thúc đẩy nói dối. Nếu nói thật sẽ mất quyền lợi, hoặc không hại được người, nên họ nói dối. Phật tử rất yêu chuộng sự thật, không có tâm tham ác, nên không nói dối. Nói dối như thế sẽ làm tổn hại giá trị của mình, vì sự thật khó bề giấu được. Khi

giá trị mình mất, đâu có thể lấy tài sản, danh vị gì mua lại được. Để bảo vệ giá trị của mình, cũng không làm đau khổ cho người, Phật tử không nói dối và không tán thành nói dối. Nói đùa nghịch nhau chơi, không nằm trong phạm vi nói dối. Tuy nhiên, có khi Phật tử bất đắc dĩ phải nói dối, nhưng do động cơ từ bi vì cứu nguy cho người và vật.

Đã không nói dối, người Phật tử nói lời chân thật, khuyên dạy người nói lời chân thật. Cuộc đời đã điên đảo lắm rồi, chúng ta đừng làm cho nó điên đảo thêm. Sự thật thế nào, chúng ta trình bày như thế, may ra người ta còn tìm được lẽ phải, tránh khỏi oan trái cho kẻ khác. Mỗi người đều nói đảo ngược sự thật, tức xã hội này thành xã hội điều ngoa, người sống ở đây không còn ai tin được ai nữa. Sống mà xung quanh mình không tin được một người, thử hỏi cuộc sống ấy đau khổ đến ngần nào? Vì thế, người Phật tử cương quyết nói thật, giáo hóa người nói thật.

5) **Không nói hai lưỡi:** Nói hai lưỡi là chủ tâm chia lìa nhau, đến người này bịa rằng người kia đã nói xấu người này, đến người kia bịa rằng người này đã nói xấu người kia. Nói như thế cũng gọi là nói “ly gián”. Do ganh tị hay thù hiềm, nên dùng lối này để phá tan tình thân của người, gây cho đôi bên nghi ngờ nhau, chống đối nhau. Mầm đấu tranh do đây mà ra. Người Phật tử quyết dẹp tâm ganh tị, thù hiềm nên không nói hai lưỡi, cũng không xúi bảo và tán thành người nói như vậy.

Đã không nói hai lưỡi, Phật tử còn nói lời hòa thuận khiến tình thân của họ càng thân hơn. Chúng ta phải cố gắng đem sự hòa thuận an vui lại cho mọi người. Tất cả cuộc tranh đấu đều gây đau khổ, tang tóc cho nhau. Có phương tiện gì đem lại sự hòa thuận cho mọi người, chúng ta phải nỗ lực làm. Chúng ta phải lấy nước từ bi chứa trong thâm tâm, dùng chót lưỡi làm phương tiện rưới tắt ngọn lửa đấu tranh của mọi người. Hòa thuận là nguồn hạnh phúc chung của nhân loại. Chúng ta phải khai thác nó, phải bảo vệ nó, như bảo vệ sanh mạng của chúng ta. Mầm chiến tranh, mầm tàn sát đều do bất hòa mà ra. Bất hòa là hiểm họa lớn nhất, từ cá nhân cho đến nhân loại. Người Phật tử bất cứ ở hoàn cảnh nào, ở trường hợp nào, đều nhất quyết nói lên tâm yêu chuộng hòa thuận, và khuyên mọi người hòa thuận.

6) **Không ác khẩu:** Ác khẩu là mắng nhiếc, chửi rủa, dùng những lời thô lỗ sỉ nhục người. Do tâm nóng giận xúi miệng nói những lời ác khẩu. Khi nói những lời nói ấy, khiến người ta đau khổ, tủi nhục, hận thù. Nếu chúng ta bị ai dùng một câu thô bỉ mắng nhiếc giữa đông người, không thể trả thù liền tại chỗ, về nhà suốt đêm không tài nào ngủ được. Mối hận ấy ôm giữ mãi, cho đến bao giờ trả thù xong mới hả dạ. Xét chúng ta như thế, suy người cũng vậy. Một câu nói ác khẩu gây đau khổ cho người, chuốc thù hận về mình, nên Phật tử nhất định không nói ác khẩu, cũng không xúi người và tán thành người nói ác khẩu.

Biết người đời ghét nói thô ác, chịu nghe nói mềm mỏng, chúng ta vừa tránh nói thô ác, vừa tập nói mềm mỏng. Lời nói mềm mỏng khiến người ta có cảm tình, khuyên dạy điều gì họ cũng nghe. Tập nói lời mềm mỏng thu hút cảm tình mọi người, để dìu dắt họ lần về đường đạo đức. Chỉ chịu khó tập lời nói mềm mỏng, tạo nên lợi mình, lợi người một cách hữu hiệu, thử hỏi còn tiếc gì chúng ta không cố gắng? Chẳng những mình cố gắng tập nói mềm mỏng, cũng khuyên dạy người nói mềm mỏng.

7) **Không nói thêu dệt:** Lời nói có tính cách thêu dệt vẽ phụng, phù phiếm, chua ngoa không hợp lý, ấy là nói thêu dệt. Động cơ phát xuất lời nói này là tâm bịp bợm, trau chuốt lời nói làm bùa mê thuốc lú say mê người, để dụ dỗ làm việc sai lầm, tội lỗi. Hiện tại gọi là những câu nói văn hoa, huê tình. Những câu nói này nghe rườm rà, bóng bẩy mà trống rỗng, không có nghĩa lý. Chúng ta là Phật tử yêu chuộng chân lý, phạm ra bàn nói việc gì đều vì tìm hiểu lẽ thật, không ưng nói lối văn hoa phù phiếm ấy. Tự mình không nói, cũng không tán thành người nói như vậy.

Đức Phật nói ra câu nào đều hợp tình, chúng ta là đệ tử của Ngài, há đi nói những lời vô lý, sai ngoa hay sao? Cho nên, chúng ta phải nói những lời đúng lý. Chúng ta luôn luôn mượn lời nói làm phương tiện diễn đạt tư tưởng của mình. Chúng ta luôn luôn mượn lời nói làm phương tiện diễn đạt tư tưởng của chúng ta, cho mọi người chung quanh hiểu thấu thông cảm. Vì thế, chúng ta phải dè dặt, lời nào hợp lý mới nói, vô lý không nói, đồng thời khuyến khích mọi người tập nói hợp lý.

8) **Không tham:** Tham có chia hai loại: tham để cầu tiến và tham mê dục lạc. Ở đây nói tham là chỉ loại tham mê dục lạc, khiến suốt đời chìm sâu trong hố tội lỗi, khó bề thoát được. Nó là động cơ gây nhiều tội ác góm ghê. Những hành động giết người, cướp của, tình địch bắn nhau, cho đến kéo từng đoàn quân sang cướp nước người đều do lòng tham chủ động. Lòng tham ấy không có ngăn mé, ở người tầm thường thì gian lận, trộm cướp, ở kẻ quyền thế thì sang đoạt, xâm lăng. Có thể nói ở thế gian không có một ngày nào được an ổn, đều gốc ở lòng tham con người mà nên. Đây chỉ phác họa sơ vài nét đại cương tai hại của lòng tham, nếu nói đủ thì không sao kể xiết. Chúng ta đã biết họa hại của lòng tham rồi, nhất định hạn chế, kềm hãm cho đến khi nào không còn tham nữa.

Tuy nhiên, tham cầu tiến chúng ta phải có, vì nó là sức mạnh thúc đẩy nhân loại mau tiến bộ. Như trong việc học hành, cậu học trò không tham học chóng giỏi, thì khó có ngày đỗ đạt. Bất cứ nghề nghiệp nào, nếu không tham muốn làm xuất sắc hơn người, thì không thể biến chế các kiểu mới, phát minh những điều lạ. Đến trong việc tu hành cũng thế, nếu không tham cầu mau thành Phật, chắc người ta cứ lững thững qua ngày, không nỗ lực tinh tấn. Cho nên tham dục lạc phải dừng, tham cầu tiến phải có.

Đối với dục lạc, chúng ta cố gắng hạn chế lòng tham, lại tập hạnh thiếu dục, tri túc. Có thiếu dục, tri túc, đời sống chúng ta mới giữ được hai chữ “thanh bản”. Có của, chúng ta mới làm việc bố thí được. Người Phật tử có “an bản lạc đạo” là nhờ tập thiếu dục, tri túc. Thiếu dục, tri túc là lá bùa gìn giữ giá trị chúng ta không bị hoen ố. Có thiếu dục, tri túc bất cứ ở trong ngành nào, giá trị chúng ta đều trong như băng, trắng như tuyết. Thiếu dục, tri túc vừa chặn được lòng tham, vừa giữ giá trị chúng ta được nguyên trinh, nên chúng ta cố gắng tập và khuyến khích người tập.

9) **Không sân:** Sân là nóng giận, thù hận. Nó là chủ nhân của ác khẩu và tranh đấu. Có nóng giận rồi, phát ra lời nói không thể nào êm ái, phát ra hành động không thể nào nhẹ nhàng. Nó là ngọn lửa dữ thiêu hết những đức tánh tốt của mình. Có sân trong người như nuôi rắn độc trong nhà, sớm muộn gì cũng có ngày bị hại. Ngọn lửa sân nếu không chế ngự được, có thể thiêu cả thế gian. Con người khi nổi sân lên, tất cả điều lành lẽ phải, tai họa nguy hiểm, không còn nghĩa lý gì nữa. Khi sân rồi không tội ác nào mà chẳng dám làm. Chúng ta cố gắng kềm hãm lòng sân, như đề phòng hỏa hoạn. Một phút sơ ý có thể gây tai họa khôn lường. Biết lửa sân nguy hiểm như vậy, Phật tử chúng ta nỗ lực diệt sân và khuyến người diệt.

Chẳng những lo diệt sân, Phật tử còn tập hạnh từ bi. Chỉ có nước từ bi mới dập tắt được ngọn lửa sân. Từ bi mang đến cho chúng ta một biển nước tình thương tràn trề lenh láng đối với mọi người, nên ngọn lửa sân không còn bồi đắp nhúm dậy. Biển nước tình thương ấy tràn đến đâu, mầm lửa sân tắt ngấm ở đấy. Nước từ bi tắm mát mọi người đang nóng bức vì lửa hận thù nhen nhúm trong lòng. Thế gian này sẽ mát rượi, khi nào trong lòng mọi người tràn trề những nước từ bi. Từ bi là hoa, là bướm, là ánh nắng, là mùa xuân... là tất cả hạnh phúc của con người. Để làm đẹp thế gian, Phật tử tập hạnh từ bi và khuyến khích mọi người tập hạnh từ bi.

10) **Không si:** Si có chia hai loại: si mê đần độn và tà kiến. Người si mê đần độn không phân biệt lẽ phải chẳng, xúc cảnh ù ù, cạc cạc, nói bướng làm càn, gây tội lỗi không ít. Vì si mê đần độn, bị người xúi sử làm những điều tàn bạo mà không biết, hành động xấu xa mà không hay. Người như vậy chỉ một bề sa đọa không thể tiến lên. Họ sống giữa bạch nhật, thanh thiên như đi trong đêm trường mù mịt.

Người tà kiến có suy xét, có nhận định, song suy xét nhận định sai lầm, rồi chấp chặt chỗ đó làm sở đắc. Do chấp chặt chỗ sai lầm đó, cả đời chỉ quay cuồng trong vòng lẩn thẩn. Chẳng những riêng đời họ sai lầm, họ còn lôi kéo những người cùng theo con đường sai lầm ấy. Như một người mù dẫn cả đoàn mù, sớm muộn gì cũng rơi xuống hố! Người mang nặng tà kiến như kẻ mang cặp kiếng màu, họ nhìn thế gian chỉ thấy một màu theo mắt kiếng của họ, khi ấy dù ai nói thế nào họ cũng không tin, trừ khi họ gỡ đôi mắt kiếng. Do tà kiến, họ tự chuốc họa, lại còn gây họa cho người. Như họ chủ trương không có tội phước, bản thân họ không sợ tội, không làm phước, còn dạy người không sợ tội, không làm phước. Vì thế càng ngày càng gây tội ngập trời.

Hai loại si như thế đều nguy hiểm, người Phật tử quyết định diệt trừ si mê. Tự mình diệt trừ si mê, cũng dạy người diệt trừ si mê.

Muốn dứt hết gốc si mê, Phật tử học tập trí tuệ. Trí tuệ là mặt trời sáng quét sạch mọi tối tăm. Trí tuệ là chiếc búa bén chặt ngã đám rừng si mê. Trí tuệ là thanh kiếm thần dẹp sạch bọn quân tà kiến. Muốn học tập trí tuệ, chúng ta phải học hỏi chánh pháp và tu tập thiền định. Chánh pháp có công dụng mở cho ta cặp mắt sáng, thiền định có công năng phát huy ánh sáng. Có mắt và có ánh sáng, chúng ta mới khỏi sa đọa lạc lầm. Chúng ta vì muốn thoát khỏi lưới si mê, nên cố gắng học tập trí tuệ, vì muốn dẹp si mê cho thế gian nên khuyên người học tập trí tuệ. Tóm lại, mười điều thiện này, đứng về mặt tiêu cực: không giết hại người vật, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si. Đứng về mặt tích cực: phóng sanh, bố thí, trinh thuận, nói chân thật, nói hòa thuận, nói mềm mỏng, nói hợp lý, thiếu dục, tri túc, từ bi, trí tuệ. Chúng ta tùy theo khả năng, trong mười điều tu tập dần dần. Không phải bắt buộc chúng ta trong thời gian ngắn tu tập trọn vẹn hết, mà cần nỗ lực tu tập suốt đời, mãi giữa lâu ngày mới sạch. Chúng ta đừng sợ nó khó, chỉ sợ mình không quyết chí. Nếu quyết chí rồi, thế nào có ngày chúng ta sẽ tu tập viên mãn.

Sở dĩ mười điều này được gọi là thiện, vì nó có đủ hai điều kiện căn bản: tình thương chân thật, trí sáng suốt. Dù đứng về phương diện tiêu cực hay tích cực cũng thế. Ví dụ: Không giết hại người vật. Tại sao? Vì tình thương nhân loại, vật loại và xét biết tai họa sẽ trở hại mình. Chín điều sau đều tương tự như vậy. Đứng về mặt tích cực, chúng ta càng thấy rõ ràng hơn. Ví dụ: Bố thí. Tại sao? Vì thương người đói khổ và biết làm như vậy họ sẽ an vui. Mười điều này hẳn là thiện, dù ở địa phương nào, thời gian nào cũng không thể phủ nhận nó được. Ngược lại với mười điều này, là mười điều ác. Người Phật tử quyết dứt ác tu thiện, nên cứ y mười điều này làm tiêu chuẩn tu hành.

B. GIA ĐÌNH

I.- CHA MẸ

Người Phật tử đối với cha mẹ phải là đứa con chí hiếu. Bởi vì chúng ta đã biết chọn con đường đạo đức, học theo đạo từ bi, với tất cả chúng sanh còn phát tâm thương xót, hưởng hờ là cha mẹ, người đã sanh thành dưỡng dục chúng ta. Dù bởi lý do này hay lý do khác, người Phật tử cũng không có quyền bất hiếu. Đã bất hiếu với cha mẹ thì không còn tội ác nào mà chẳng dám

làm. Đối với cha mẹ mà bất hiếu, ai tin mình là người đạo đức được. Người bất hiếu đã phá vỡ tất cả công hạnh lành, hủy hoại hết hạt giống phước đức. Trong kinh có đoạn chép:

Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

Nếu có người biết đền đáp, người này đáng kính đáng mến, dù một chút ơn nhỏ còn không quên, huống là ơn lớn. Giả sử người này ở cách xa ta ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần vẫn không phải là xa, mà gần bên ta. Vì có sao? Tỳ-kheo! Vì ta hằng khen ngợi người biết đền đáp.

Những người không biết đền đáp, ơn lớn còn không nhớ, huống là ơn nhỏ. Người ấy không thể gần ta, ta cũng không gần người ấy. Giả sử người ấy mặc y đứng hầu bên cạnh ta, người ấy vẫn cách xa ta muôn dặm. Vì có sao? Vì ta không bao giờ nói không đền đáp...

(Kinh Tăng Nhất A-hàm, quyển 10, phẩm Thiện tri thức 20, bài số 5)

Phật dạy: “Ơn nhỏ còn chẳng quên, huống là ơn lớn.” Ơn cha mẹ sánh với tất cả ơn trong đời chúng ta có ơn nào bằng? Ơn lớn ấy, chúng ta còn quên được, tất cả ơn khác lừng đi nào có khó gì? Ơn nghĩa là nền tảng đạo đức, chúng ta không quý trọng thử hỏi còn gì là đạo đức? Vì thế, Phật nói: “Người quên ơn dù mặc y đứng hầu bên cạnh ta, vẫn cách xa ta muôn dặm.”

Ơn cha mẹ như trời cao, biển cả, muốn đền đáp dù nát thân này cũng chưa tròn. Như kinh chép:

Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: Dạy hai người làm lành không được đền ơn. Hai người là ai? Là cha và mẹ.

Tỳ-kheo! Nếu có người vai trái công cha, vai mặt công mẹ đến ngàn muôn năm, cha mẹ ăn uống, ngồi nằm, bệnh hoạn, cho đến đại tiểu tiện đều ở trên vai, vẫn không được đền đáp ơn. Tỳ-kheo! Phải biết ơn nặng của cha mẹ: bông ẵm, nuôi nấng, tùy thời săn sóc không sai thời tiết, không kể tháng ngày. Vì thế ơn cha mẹ rất khó đền đáp...

(Kinh Tăng Nhất A-hàm, quyển 10, phẩm Thiện tri thức 20, bài số 11)

Công ơn cha mẹ nặng nề như vậy, Phật tử chúng ta làm sao dám quên. Cha mẹ đã tạo nên thân này, dù đem thân này lột làm sàng làm ghế cho cha mẹ ngồi cũng chưa đủ đền ơn. Đối với người xuất gia mà Phật còn đĩnh ninh dạy bảo phải lo đền đáp, huống là Phật tử tại gia. Ơn cha mẹ rất khó đền đáp, song người con hiếu cứ đem hết tấm lòng hiếu thảo của mình mà ăn ở cũng quý lắm rồi. Có vị Bà-la-môn niên thiếu hỏi Phật: “Thế Tôn! Tôi thường như pháp đi khát thực đem về cúng dường cha mẹ khiến lia khổ được vui. Thế Tôn! Tôi làm như thế được phước nhiều chăng?”

Phật bảo: “Thật được phước nhiều. Vì có sao? - Nếu có người như pháp cầu xin, cúng dường cha mẹ khiến lia khổ được an vui, thật có đại phước.”

Thế Tôn liền nói kệ:

*Như pháp đối cha mẹ,
Cung kính nên cúng dường.
Hiện đời được tiếng tốt,
Mạng chung sanh cõi trời.*

(Kinh Tạp A-hàm, quyển 4, kinh Uất-đa-la)

Biết cúng dường cha mẹ, dù đi khát thực đem về dâng cha mẹ còn có phước lớn, huống người tự làm ra tiền của cúng dường cha mẹ, quý biết chừng nào! Chỉ lo chúng ta không có thật

tâm hiếu thảo, nếu có thật tâm hiếu thảo bất cứ ở hoàn cảnh nào cũng có thể thực hiện được. Lo cung cấp cha mẹ mọi điều kiện vật chất đầy đủ, đã chí hiếu lắm rồi, song chưa đủ đền đáp công ơn cha mẹ. Muốn đền đáp công ơn cha mẹ, phải khuyên cha mẹ hướng về đạo đức, qui kính Tam Bảo, được vậy mới gọi là đền đáp công ơn cha mẹ. Kinh chép:

Phật hỏi các thầy Sa-môn: “Con nuôi cha mẹ, lấy cam lồ trăm vị làm thức ăn, dùng thiên nhạc làm vui tai, sắm y phục hảo hạng mặc nơi thân, vai công cha mẹ đi khắp bốn phương, suốt đời phụng dưỡng như vậy, đáng gọi là hiếu chăng?”

Các thầy Sa-môn thưa: “Người này là đại hiếu!”

Phật dạy: “Chưa gọi là hiếu”...

Phật bảo các thầy Sa-môn: “Xem người thế gian không có hiếu thảo, chỉ thế này mới gọi là hiếu: Hãy khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, thọ Tam qui, giữ Ngũ giới. Dù cha mẹ sớm mai thọ trì qui giới, chiều có chết, đối với ơn nặng cha mẹ nuôi dưỡng, bú sù vô lượng cũng gọi là tàm đên.”

(Kinh Hiếu Tử N. 687 Đ.C.T.T. tập 32, trang 780)

Người con muốn báo đáp ơn cha mẹ, phải lo cung cấp những thứ cần dùng cho cha mẹ được ấm no an ổn, lại phải tìm phương tiện khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành và qui y, giữ giới. Được vậy, mới gọi là báo đáp toàn vẹn cả vật chất lẫn tinh thần ở hiện tại và vị lai. Nếu ai có phước được cha mẹ sớm biết đạo đức, phải cố gắng làm sao cho cha mẹ có nhiều phương tiện hoạt động đạo đức hơn. Không bao giờ dám ngăn cản cha mẹ làm việc đạo đức, mà chính mình có bổn phận khuyến khích thêm.

Cha mẹ là đáng tối tôn, tối kính nhất đối với con. Cho nên người biết thờ kính cha mẹ là thờ kính Phật, thiên, thần... đầy đủ cả. Kinh chép:

Nếu có người muốn được vua Phạm Thiên ở trong nhà hãy hiếu dưỡng cha mẹ, vua Phạm Thiên đã có ở trong nhà, muốn có Đế Thích ở trong nhà, hãy hiếu dưỡng cha mẹ, Đế Thích sẵn ở trong nhà, muốn được tất cả thiên thần ở trong nhà, chỉ cúng dường cha mẹ, tất cả thiên thần đều ở trong nhà, cho đến muốn cúng dường Thánh Hiền và Phật, chỉ cúng dường cha mẹ, các vị Thánh Hiền và Phật đều ở trong nhà.

(Kinh Tạp Bảo Tạng)

Như vậy, kính thờ cha mẹ là kính thờ tất cả Thánh Hiền và Phật. Tại sao chúng ta chỉ biết quý kính Thánh Hiền và Phật mà thờ ơ với cha mẹ? Đó là chúng ta đã bỏ cội gốc phước đức, đi tìm ngôn ngành. Thật đúng câu:

*Phật trong nhà không thờ,
Thờ Thích-ca ngoài đường.*

Thật ơn cha mẹ cao cả lớn lao biết mấy, ngàn xưa các bậc Thánh Hiền đều kính thờ tôn trọng, mà hiện nay có một bọn vong ân bội nghĩa chủ trương rằng: “Cha mẹ không có ơn nghĩa gì với con, sự bất đắc dĩ phải nuôi ấy thôi.” Họ là người từ chối mọi ân nghĩa, phản đối tất cả Thánh Hiền, thật là kẻ đang xây mặt vào ngục tối, đáng thương thay!

II.- ANH EM

Người Phật tử sống trong gia đình phải giữ trên thuận, dưới hòa. Anh em có hòa mục thì gia đình mới an vui, êm ấm. Đối với cha mẹ, chúng ta là đứa con hiếu, đối với anh chị em, chúng ta phải là người anh chị hiền, đưa em thảo. Phải cứ y vào tinh thần đạo đức cư xử với anh chị em,

cho tình cốt nhục càng thêm gắn bó. Chị ngã em nâng, em khổ chị buồn. Sự sống chết có nhau, đói no đồng hưởng, dùng vì tiền của, dùng vì tất cả bên ngoài, cắt đứt tình ruột thịt, chia rẽ nghĩa tay chân. Trong gia đình không tạo được tình thân yêu nhau, ngoài xã hội tìm đâu có tình thương chân thật. Lòng từ bi của chúng ta có thể bủa khắp nhân loại, nhưng điểm phát xuất của nó phải từ trong gia đình. Đối với anh em ruột thịt, chúng ta hẳn học nhau, với người không chung máu mủ làm sao có lòng thương chân thành?

Tuy nhiên, anh chị em đôi khi tánh tình khác nhau, vì thế sợi dây hòa mục lắm lúc bị thương tổn. Dù vậy với tinh thần Phật tử, chúng ta phải trải hết tâm can để cư xử với anh em. Phải vận dụng tất cả lòng chân thành và trí sáng suốt để cảnh tỉnh anh em mình. Đức Phật trước kia còn hi sinh thân mình cho cạp đói, tại sao chúng ta không thể hi sinh những gì cần thiết cho anh em ruột thịt chúng ta?

Tình anh em muốn được ngày càng thâm thía đậm đà, Phật dạy phải đủ bốn điều:

1) *Đồng chung vui khổ: Nghĩa là phải vì anh em mà quên cả thân mình, quên cả vợ con và chịu đựng mọi lời phiền trách.*

2) *Hằng thương tưởng: Phải vì anh em khuyên dạy những điều lành, cản ngăn những việc ác, khen ngợi những điều tốt, tìm cách dứt những oán thù.*

3) *Câu lợi: Đối với anh em có những việc kín không giấu giếm nhau, được lợi cùng vui mừng, không được lợi cũng chẳng buồn rầu.*

4) *Giúp ích: Biết anh em tiền của còn hay hết; nếu biết hết sẵn sàng giúp đỡ, thấy anh em chơi bời thì tìm cách ngăn cản quả trách, luôn luôn thương xót.*

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Đại, bài Kinh Thiện Sanh 19)

Đối xử như bốn điều đức Phật dạy ở đây, chắc rằng tình anh em, chị em không bao giờ chia lìa được. Tinh thần Phật tử, chúng ta cố gắng siết chặt tình huynh đệ, đừng bao giờ để cho “cốt nhục tương tàn”.

III.- VỢ CHỒNG

Nghĩa vợ chồng cần phải kính mến, nhường nhịn nhau. Sự sống chung đụng lâu ngày dù thương nhau thế mấy, nếu thiếu sự kính nhường đều có thể gây tổn mỗi tình chung thủy. Đừng lấy quyền chồng lấn hiếp vợ, đừng ý thế vợ khinh khi chồng, quyền lợi phải giữ như cán cân, không thiên lệch bên nào. Nếu có thiên lệch sẽ có chia rẽ. Cũng đừng để ai hi sinh cho ai. Bởi vì cuộc sống hợp đồng, phải tôn trọng quyền lợi thiêng liêng của đôi bên.

Không bao giờ có hai vợ chồng tánh tình giống hệt nhau. Vì thế, không hợp nhau là lẽ dĩ nhiên, cho nên hai bên phải khéo dung hòa nhau. Mến tánh tốt này của nhau, phải chịu đựng tánh xấu nọ của nhau. Đừng than phiền, đừng đòi hỏi, đừng tìm kiếm đâu nữa, cái người như mình tưởng tượng. Lúc ở xa nhau, thấy tánh tình hạnh nét rất thích hợp, nhưng bắt buộc sống chung sẽ thấy hiện nhiều tật xấu khó chịu.

Nguyên tắc duy nhất bảo đảm cho cuộc sống chung là “khôn khéo sửa đổi cho nhau và chân thành phục thiện”. Dù người chồng hay người vợ, lúc nào cũng dẹp tự ái, đừng coi mình là hiện thân của chân lý. Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì cũng phải châm chúc với nhau. Đòi hỏi một con người toàn thiện, tìm khắp thế gian không thể có.

Theo tinh thần Phật dạy trong kinh Thiện Sanh: Người chồng phải thật tình thương mến vợ, không bao giờ dám khinh khi, sấm đồ trang sức tùy khả năng, tùy sở thích của vợ, cho vợ

trọn quyền sắp đặt việc nhà, xem thân tộc bên vợ cũng như bên mình. Người vợ phải mến trọng săn sóc chồng, hằng tưởng nhớ đến chồng, quản thủ việc nhà, chăm nom thân tộc của chồng, thức khuya dậy sớm lo gia nghiệp, nói năng chân thật ôn hòa, không bó buộc chồng quá đáng, chào mừng khi đi đâu về và lo thức ăn chỗ nghỉ cho chồng⁽¹⁾.

Đương nhiên, vợ chồng đều phải giữ ba giới đầu. Có vậy, trong nhà mới trọn niềm tin tưởng nhau. Đã tin cậy nhau, phải tôn trọng tự do, đừng kèm hãm, bó buộc, khiến người ta sanh bực bội, dù vì tình thương cũng vậy.

IV.- CON CÁI

Làm cha mẹ phải khéo dạy dỗ con cái. Từ tấm bé, cha mẹ đã để ý đến khả năng, đạo đức của con. Thấy nó có khả năng nào, lớn lên cho học theo ngành đó. Nhất là về đạo đức, cha mẹ phải tập tành cho con thuần thực. Những trò chơi ác như: bắn chim, đá dế, đập bồ cào..., cha mẹ phải dạy rầy cho chúng bỏ. Cắt nghĩa cho chúng biết sợ tội, ham làm phước. Thấy người bệnh tật, nghèo đói, dạy chúng thương xót cứu giúp. Kể cho chúng nghe những gương đức hạnh, hiếu thảo, tiết nghĩa. Dạy chúng biết chọn bạn tốt chơi, bạn xấu lánh xa.

Cha mẹ đừng vì thương con cố làm giàu để của cho chúng mà phải lo cho con có đức, có tài. Sự nghiệp của cải không đảm bảo đời sống của chúng sau này, chỉ có tài đức mới thật là một bảo đảm hữu hiệu. Đừng vì thương con cố làm ác, có của nhiều để lại cho chúng; để lại như vậy chỉ là lưu oan gia chớ không phải sự nghiệp. Cha mẹ phải lấy đức hạnh để lại cho con; để đức hạnh mới là một gia bảo quý giá.

Cha mẹ là tấm gương sáng gần nhất để con cái hằng ngày noi theo. Nếu cha mẹ hằng ngày làm những điều sai quấy, tội lỗi, bất hòa, muốn con được hòa thuận và làm phải là vô lý. Cha mẹ luôn phải nhớ câu này: “Cha lành con thảo.” Cha có lành con mới thảo được. Khi nghĩ tới giáo dục con cái, cha mẹ phải nhớ mình là gương mẫu của chúng.

Con lớn lên, cha mẹ đừng bao giờ lấy quyền cha mẹ bắt con phải làm thế này, thế nọ. Phải hiểu tư tưởng tâm lý chúng, tùy theo đó hướng dẫn chúng. Có nhiều đứa con kêu lên: “Cha mẹ không thông cảm con.” Chỉ vì cha mẹ hiểu theo cái tuổi và nếp sống của mình, không chịu tìm hiểu hoàn cảnh xã hội của con hiện tại theo lứa tuổi của chúng. Cha mẹ phải khéo quan sát tình huống hoàn cảnh tư tưởng của con mà giáo dục chúng. Đừng làm việc độc tài, bắt chúng phải răm rắp tuân theo mình. Có thế, mới hi vọng giáo dục con được.

V.- BẠN BÈ

Đã cùng sống chung cõi đời nhiều tai ách hoạn nạn này, chúng ta phải cần có bạn bè để cùng chia vui sẻ buồn với nhau. Thiếu bạn bè như con chim lạc đàn, một mình bay trong bầu trời rộng cô đơn. Song bạn bè, chúng ta phải chọn người lành, người tốt; lánh xa người dữ, người hư hèn, trừ phi vị nào tu Bồ-tát hạnh. Gần bạn lành, chúng ta càng ngày càng tăng trưởng tánh tốt, gần bạn dữ, chúng ta càng nhiễm những tánh xấu xa. Gần bạn lành như đứng gần lò trầm, tuy không thơm hẳn, nhưng lâu sẽ nghe phảng phất mùi hương. Gần bạn ác như tay nắm cá tanh, tuy bỏ xuống rửa tay, song mùi tanh vẫn chưa hết. Chọn bạn là vấn đề hệ trọng trong đời sống chúng ta vậy.

Muốn phân biệt bạn lành, bạn dữ thế theo lời Phật dạy, chúng ta biện biệt:

⁽¹⁾ Phần này nên xem trong kinh Thiện Sanh đã dịch ra Việt ngữ, và trong Phật Học Phổ Thông khóa II, bài Bốn phận Phật tử tại gia.

Bạn lành: người gần ta chỉ vì tình thân, không vì danh vị quyền lợi, thường ngăn ta điều xấu, khen ta điều tốt, coi sự đau khổ vui mừng của ta như của người, không vì được việc của người để ta chịu thiệt thòi, lúc nào cũng tôn trọng giá trị và quyền lợi của ta.

Bạn dữ: người gần ta chỉ cốt lợi dụng, thường xúi giục ta làm việc hư hèn, khi có tiệc tùng vui vẻ thì có mặt, lúc ta bị hoạn nạn đau khổ thì lánh xa, luôn luôn muốn được việc của họ mà không nghĩ đến sự thiệt thòi của ta, có mặt ta thì khen, vắng ta thì nói xấu.

Chọn được bạn lành, chúng ta phải đối xử như đối xử với anh em ruột thịt. Lúc nào cũng kính trọng thương mến nhau. Có bạn lành chúng ta được thêm nhiều lợi ích. Kinh nói: “*Có bạn lành là đù: tín, giới, thí, vãn, tuệ.*” Nghĩa là bạn lành hướng dẫn chúng ta lòng tin chân chánh, khuyên chúng ta giữ gìn giới luật trong sạch, nhắc chúng ta làm việc bố thí cứu giúp người vật, giải thích cho ta nghe những điều hay lẽ phải ta chưa được nghe, chỉ vẽ cho ta học tập càng ngày càng tăng trưởng trí tuệ. Ngược lại những điều này tức là bạn dữ.

C. XÃ HỘI

Sống trong xã hội tương quan tương duyên, mình và mọi người có sự liên quan mật thiết nhau. Sự ràng rịt mọi người với mình là sợi dây ân nghĩa. Do nương nhờ nhau chúng ta mới có sự sống an ổn. Cho nên mọi người trong xã hội đều là ân nhân của chúng ta. Như trong kinh Ưu-bà-tắc, Phật dạy: “*Người nghỉ nhờ dưới bóng cây, cho đến thời gian ngắn, cần thận chớ bẻ hoa lá.*” Tại sao Phật dạy chúng ta không được bẻ hoa lá? - Vì cây ấy đã che mát cho ta trong thời gian ngắn. Đức Phật dạy ta phải biết ơn, cái công ơn che mát cho ta, không nên có tâm phá hoại nó. Cái cây mà Phật còn dạy chúng ta biết ơn hưởng chi là nhân loại. Chúng ta đi đường nhờ xe; qua sông nhờ đò; ở nhà nhờ thợ mộc thợ nề; mặc áo nhờ thợ dệt, người trông bông; ăn cơm nhờ nông phu, người khuân vác, nấu nướng; đau nhờ thầy xem mạch cho thuốc; đi học nhờ thầy giáo v.v... và v.v... Tách rời mọi người ra, chúng ta khó có sự sống bảo đảm an toàn. Cho nên chúng ta phải biết ơn tất cả mọi người. Đối với mọi người, chúng ta chỉ có bổn phận giúp đỡ, không được làm tổn hại.

Sự khổ của người đời không thể nào kể hết, tùy khả năng chúng ta giúp đỡ đến đâu quý đến đâu. Nếu gặp người đói rét, chúng ta tùy sức cho cơm ăn áo mặc. Thấy người bệnh hoạn, chúng ta săn sóc thuốc men. Kinh chép:

Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Người săn sóc bệnh nhân là săn sóc ta vậy. Người khám bệnh là khám ta rồi. Sở dĩ như vậy, vì ta nay đích thân săn sóc những người bệnh tật. Các Tỳ-kheo! Ta không thấy người nào, đối chư thiên thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn trong việc bố thí tối thượng hơn việc bố thí này. Người thực hành bố thí này mới là bố thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng tốt đồn khắp, được pháp vị cam lồ. Như Lai chỉ chân đẳng chánh giác biết trong việc bố thí tối thượng không việc nào hơn bố thí này...

(Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 5, phẩm Nhập Đạo bài số 4)

Săn sóc, nuôi nấng bệnh nhân là công đức rất lớn, là môn phước điền thứ nhất trong tám thứ phước điền.

Người Phật tử sẵn sàng cứu giúp mọi người, không bao giờ làm cho ai đau khổ. Chẳng những giúp người bằng vật chất, sức lực lại còn giúp bằng tinh thần. Thấy người làm ác, tìm cách khuyên họ bỏ ác. Biết người muốn gần đạo đức, hướng dẫn họ đến đạo đức. Có người không biết tội phước, giảng giải cho họ biết tội phước. Có người nhiều sợ hãi, dạy họ niềm tin và ủng hộ cho họ hết sợ hãi...

Chúng ta hãy đem tấm thân này làm miếng vải để băng bó những vết thương đau của xã hội, vì xã hội và ta không thể xa rời nhau.

PHẬT TỬ XUẤT GIA

Phân luân lý của người xuất gia nằm gọn trong ba môn học trọng hệ là Giới, Định và Tuệ, thuật ngữ gọi Tam vô lậu học. Người xuất gia thiếu một trong ba môn này, không xứng đáng là người xuất gia. Ba môn này là cội rễ thân cây giải thoát. Nương ba môn học này, người xuất gia dẹp sạch tất cả phiền não, giác ngộ chân lý, tự độ và độ tha.

A. GIỚI HỌC

Giới là ngăn ngừa, kèm hãm các ngoại duyên không cho xâm phạm làm xao động tâm tư của người tu. Giới cũng có nghĩa là dừng quấy, dứt dữ. Ngừa tất cả quấy lỗi có thể xảy ra, đình chỉ mọi tội ác. Giới luật cũng có nghĩa riêng giải thoát. Người tu giữ được mỗi giới là giải thoát mỗi phần. Giới có công năng bảo vệ người tu được an ổn thanh tịnh. Giới là kiện tướng dẹp sạch quân ma, khiến người tu khỏi bị quấy nhiễu. Người quyết tâm tu hành không bao giờ dám xao lãng giới học. Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Phật còn dạy các thầy Tỳ-kheo “lấy giới luật làm thầy”. Không ai tự nhiên tâm được yên định, trước phải nhờ ngăn ngừa ngoại duyên, sau tâm mới yên tĩnh. Như ngọn đèn để ngoài trời, thế nào cũng bị gió, đành phải nhờ bóng đèn bao bọc bên ngoài, ngọn đèn mới được đứng yên. Giới là bóng đèn ngăn ngừa gió ngoại cảnh, khiến ngọn tâm đăng của chúng ta yên tĩnh sáng suốt. Như ông nhà giàu có nhà cửa, vách chắc chắn nên nằm ngủ yên không lo sợ trộm cắp. Giới là cửa vách ngăn bọn trộm cắp phiền não, khiến tâm chủ nhân nằm ngủ yên lành. Người giữ giới thanh tịnh, tâm không rối loạn, hối hận.

Giới có: mười giới của Sa-di, hai trăm năm chục giới của Tỳ-kheo, ba trăm năm chục giới của Tỳ-kheo ni, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát. Người tu nhờ vòng rào giới luật, tâm được thư thái an tịnh. Cho nên, nhân giới sanh định.

B. ĐỊNH HỌC

Giới đã ngăn ngừa ngoại duyên không cho xâm phạm, định là phương pháp kèm chế nội tâm không cho phóng ngoại. Sáu căn luôn luôn tiếp xúc với sáu trần khiến tâm xao động, dùng định nhiếp phục sáu căn không cho chạy theo trần cảnh, để tâm được an trụ. Như câu chuyện trong kinh chép:

Con đã can đỏi đi tìm môi, gặp con rùa đang bò. Đã can nhắm vào đầu rùa cắn, rùa thụt đầu vào vỏ. Đã can cắn đuôi rùa, rùa rút đuôi vào vỏ. Đã can cắn chân, rùa rút chân... Cuối cùng, vỏ rùa cứng quá, đã can cạp không nổi, phải bỏ đi.

Phật dạy: Tỳ-kheo nhiếp phục sáu căn cũng như thế. Khi nhiếp phục được sáu căn rồi, ngoại cảnh không thể nào xâm nhập được. Như con rùa không bị đã can làm hại.

(Kinh Tạp A-hàm, quyển 43, bài kinh số 1167)

Giới chỉ có công dụng ngừa ngoại duyên, kèm chế được tâm là do định. Nếu không tập định, chỉ giữ giới không, tâm vẫn xao động. Như có người nuôi con khi, sợ nó chạy nhảy la lối, cấm không cho trẻ con đến chọc. Nhưng tánh khí không thể nào ngồi yên, nó vẫn chạy nhảy lảng xãng. Muốn nó ở một chỗ, ông chủ phải lấy dây niệt đầu nó dưới cây trụ, giầy giữa lâu không khỏi, mỗi mẹt nó mới chịu nằm yên. Tâm chúng ta cũng vậy, tuy có giới ngăn cấm bên ngoài,

không để ngoại duyên xâm phạm, tự nó bên trong thâm thâm xao động không ngừng. Muốn nó yên định, chúng ta cần phải chú tâm vào một cảnh, lâu ngày nó mới yên định.

Định có nhiều thứ: Tứ thiền, Bát định, Cửu thứ đệ định... Người tu thứ tự đi từ những định thô vào định tế. Khi tâm an định, mới phát khởi trí tuệ.

C. TUỆ HỌC

Tâm chúng ta chạy lăng xăng tản mát nên yếu ớt, mờ mịt. Muốn tâm sáng suốt, chúng ta phải dùng định nhiếp tâm trụ lại cho có sức mạnh. Khi tâm trụ rồi, chúng ta dùng nó quán sát mới đủ sức mạnh nhìn thấu sự thật. Như ngọn đèn không có chụp, ánh sáng loãng quá thành lò mờ, chúng ta dùng chụp gom ánh sáng lại một chỗ nào, soi thấy sự vật chỗ ấy rất tỏ rõ. Công dụng của tâm cũng thế, bản tánh nó là sáng suốt, song chúng ta cả ngày phóng tâm theo ngoại cảnh xao xuyên không ngừng, nên dùng nó quán sát một việc gì chỉ hiểu lò mờ, không rành rõ. Nếu chúng ta gom nó trụ lại một chỗ, khi ấy mới đủ sức phát huy ánh sáng soi thấu chân tướng thế gian. Trí tuệ này không phải do học mà được, cũng không phải từ đâu đến, chính tuệ sẵn có của chúng ta bị phân hóa, nay qui tụ được phát ra công năng như thế. Nó là một bảo châu vô giá sẵn có của chúng ta, tại vì chúng ta quên nó đi, cam chịu mờ tối khổ đau.

Trí tuệ có: Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí... Được trí tuệ, gọi là giác ngộ, chứng đạo. Mục đích người xuất gia đến chỗ này mới viên mãn.

Tóm lại, ba môn học này tương quan mật thiết với nhau. Nhờ giới làm trợ duyên tâm được định, nhờ tâm định phát sanh trí tuệ. Như nhờ bóng đèn, ngọn đèn đứng yên phát ra ánh sáng rực rỡ. Người xuất gia thực hiện đầy đủ ba môn học này, mới đạt được sở nguyện xuất ly tam giới, độ thoát chúng sanh.

LUÂN LÝ PHẬT GIÁO KHÔNG PHẢI GIÁO ĐIỀU

Tuy Phật giáo đề ra những phương pháp tu tập, những cách đối xử với nhau cho thích hợp đạo lý, nhưng không phải coi như giáo điều cố định. Bởi vì khả năng trình độ con người khác nhau, không thể có nguyên tắc nào bắt buộc tất cả phải làm như nhau được. Nếu bắt buộc tất cả phải làm rập theo một khuôn khổ, ấy là việc làm không hợp tình. Con người có kẻ vị kỷ, có người vị tha, bắt người vị tha làm theo khuôn khổ người vị kỷ thật là oan phí, bắt người vị kỷ làm theo người vị tha thì không kham. Người vị kỷ phải có phần luân lý thích hợp với họ, để được tự lợi mà không tổn hại kẻ khác. Người vị tha phải có phần luân lý thích hợp với họ, để khỏi trở ngại trong công việc lợi tha.

Do đó, Phật giáo có nhiều phần luân lý khác nhau, tùy theo trình độ. Người muốn giữ tròn nhân đạo, tu tập theo Phật giáo, có phần luân lý gọi là giáo lý nhân thừa. Người có ý tiến lên, nhưng chưa tu giải thoát được, có phần luân lý gọi là giáo lý Thiên thừa. Người muốn giải thoát mọi triền phược ở thế gian, có phần luân lý gọi là giáo lý Thanh văn thừa hay Duyên giác thừa. Người muốn lặn xả vào đời làm lợi ích cho chúng sanh, không kể thời gian, không tiếc sanh mạng, có phần luân lý gọi là giáo lý Bồ-tát thừa. Vì vậy chúng ta không thể căn cứ vào phần giáo lý dạy hạng người này đem phê bình hành động người khác, cũng không thể lấy phần giáo lý dạy hạng người khác đem chỉ trích người này. Phật pháp mênh mông, tùy căn cơ mỗi người có sự tu tập hành động khác nhau, nhưng chung qui đều về một chủ đích “giải thoát mọi phiền não, giác ngộ chân lý”.

Luân lý Phật giáo lấy tự giác, tự ngộ làm trọng tâm, nên đối với bản thân được chú trọng rất nhiều. Bản thân mình tu tập thuần thực rồi, đối với gia đình, xã hội tự nhiên tốt đẹp. Chỉ cần huấn luyện con người ấy có nhiều đức tánh tốt, khi ra đời xử với mọi người, trong nhiều cảnh ngộ, đều là những hành động thể hiện tánh tốt. Tự thân người ấy chưa tốt, dù có đặt trăm ngàn điều bắt buộc làm tốt, đều không thể có hiệu quả.

Lời Phật dạy hợp tình (khế cơ) hợp lý (khế lý), lúc nào cũng đem sự an lạc lợi ích cho con người. Vì thế những lời nói ấy trước giữa sau đều thiện. Nhưng chúng ta phải biết lời nói ấy phát xuất ở trường hợp nào? Với những con người nào? Nhận định rõ rồi chúng ta áp dụng vào sự tu tập của mình và chỉ dạy cho người. Nếu thiếu nhận xét ấy, gặp đâu dẫn đấy, thấy sao dạy vậy, thật là “y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan”. Chúng ta phải biết linh động tùy cơ cảm, tùy cảnh ngộ áp dụng giáo lý để tự lợi và lợi tha. Song đừng linh động thái quá sai mất chánh pháp, đó là “ly kinh nhất tự tận thành ma thuyết”. Cho nên, điểm chánh yếu của người thuyết pháp dạy đạo là phải “hợp tình hợp lý”. Nếu giảng dạy hợp lý mà không hợp tình, hay ngược lại, đều thuộc tà pháp. Do sự hợp tình, hợp lý này, chúng ta càng nhận rõ nền luân lý Phật giáo rất thích ứng với nhân loại hiện tại và vị lai.